CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

MSDN: 2800799804 **Website:** vcpholdings.com.vn

Số: 01/2025/GMH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ("VCP Holdings") trân trọng kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty như sau:

- **Thời gian: Thứ tư, ngày 23 tháng 4 năm 2025**
- **Địa điểm:** Hội trường Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện.
- Địa chỉ: Thôn Trung Chính, Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông có tên trong Sổ cổ đông của Công ty chốt danh sách ngày 26/3/2025. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản *(theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời)*. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.
- **Chương trình và các tài liệu họp Đại hội**: Đề nghị Quý vị cổ đông xem và tham khảo tại địa chỉ website Công ty: http://www.vcpholdings.com.vn *(Mục Quan hệ cổ đông)*.
- **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**

Đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h00 ngày 22/4/2025**. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào danh sách đăng ký tham dự tại **thời điểm 17h00 ngày 22/4/2025** để chuẩn bị chỗ ngồi, phòng họp đảm bảo khoảng cách và các công tác hậu cần cần thiết. Việc đăng ký tham dự và/hoặc ủy quyền dự họp cần được thông báo trước về Công ty qua điện thoại và/hoặc E-mail của người phụ trách của Bộ phận quan hệ cổ đông dưới đây:

Bộ phận Quan hệ cổ đông - Ban Tài chính Kế hoạch, Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, địa chỉ: Tầng 19 - Tòa nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số Fax: 0246.2699977 **Email: binh.nguyenvan@vcpholdings.com.vn**

Trong trường hợp, Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội và không lựa chọn được người đại diện phù hợp để ủy quyền, Ban Tổ chức gợi ý Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho các cá nhân sau:

(1) Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty

(2) Ông Phạm Văn Minh – Phó Chủ tịch TT HĐQT - Tổng Giám đốc

(3) Ông Trịnh Nguyên Khánh – TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo

những giấy tờ sau để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội:

(1) Thông báo mời họp này;

(2) Căn cước công dân/Hộ chiếu của cá nhân của người tham dự;

(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của tổ chức (nếu là tổ chức);

(4) Giấy ủy quyền nếu Người dự họp là Người được cổ đông ủy quyền (đối với tổ chức nếu không phải là Đại điện theo pháp luật/ Người đại diện quản lý vốn góp của cổ đông tổ chức tham dự trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền).

* **<u>Lưu ý khác</u>:**

- Trong suốt quá trình tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định về an toàn, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.
- Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Bộ phận Quan hệ cổ đông Công ty theo số điện thoại sau: 0246.2699988 *(Máy lẻ:122)* gặp **Ông Nguyễn Văn Bình**.
- Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự chi trả.

Rất mong Quý vị cổ đông đăng ký dự họp đầy đủ và đến đúng thời gian quy định để Đại hội đạt được kết quả tốt đẹp.

Trân trọng!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

<u>Nơi nhận:</u>
- *Như kính gửi.*
- *Lưu VT, HĐQT.*

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- **Thời gian: 10h00 - 12h00 ngày 23 tháng 4 năm 2025 (Thứ tư)**
- **Địa điểm: Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**

Thời gian	Nội dung
09h30 - 10h00	Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp và phát tài liệu họp
10h00 - 10h15	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. - Giới thiệu, thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban bầu cử, kiểm phiếu biểu quyết.
10h15 - 10h30	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội.
10h30 – 11h00	- Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025 - Tờ trình của HĐQT về việc đầu tư dự án thủy điện Đăk Lô 1-3 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025 - Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 - Tờ trình của HĐQT về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 - Tờ trình phê duyệt BCTC đã được kiểm toán năm 2024 - Tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 - Tờ trình của HĐQT về phương án nhân sự BKS Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP nhiệm kỳ 2024 - 2029
11h00 – 11h10	Đại hội thảo luận hoặc nghỉ giải lao
11h10 - 11h15	Ban bầu cử và kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông thực bầu cử và điền phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội
11h15 – 11h25	Ban bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết vào làm việc

Thời gian	Nội dung
11h25 – 11h35	Ban Bầu cử công bố kết quả bầu cử và kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã trình bày tại Đại hội. **1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025** **2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025** **3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025** **4. Tờ trình của HĐQT về việc đầu tư dự án thủy điện Đăk Lô 1-3** **5. Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024** **6. Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025** **7. Tờ trình của HĐQT về thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025** **8. Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận năm 2024** **9. Kết quả bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029**
11h35 - 11h45	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội
11h45 – 12h00	- Biểu quyết thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội. - Bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ଓ✧ଌ-----

GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

- Tên cổ đông.....
- Địa chỉ:.....
- CCCD/Giấy CNĐKKD số:.....cấp ngày….tháng…..năm…….tại…….
- Sở hữu/đại diện số cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/1CP) là:.....cổ phần.
- Bằng chữ:……..

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ **Đồng ý tham dự Đại hội**
2. ☐ **Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:**

- Họ và tên người được ủy quyền:.....
- Địa chỉ:.....
- Giấy CMND/Hộ chiếu số/CCCD:.....cấp ngày.....tháng.....năm…....tại.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các ông có tên sau:

☐ Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty
☐ Ông Phạm Văn Minh - Phó Chủ tịch TT HĐQT – Tổng Giám đốc
☐ Ông Trịnh Nguyên Khánh - TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc

3. **Nội dung ủy quyền:**

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tổ chức vào ngày 23/4/2025 và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được uỷ quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

4. **Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**

- Việc uỷ quyền trên đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Công ty và của pháp luật.
- Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

....., ngày.....tháng..... năm……

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN	**CỔ ĐÔNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)*

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên [50%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:**

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi Mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết *(sở hữu và/hoặc ủy quyền)* của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

2. **Cách biểu quyết:**

2.1. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (Tán thành, Không tán thành, có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết "Tán thành" một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông "Tán thành" thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông "Tán thành" trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông "Không tán thành", "Có ý kiến khác" sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

2.2. Cách thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách chỉ đánh dấu "x" hoặc "√" các ô "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến".
- Cổ đông đánh dấu "x" hoặc "√" đồng thời cả 2 hoặc 3 ô "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" cùng một nội dung thì nội dung biểu quyết đó là không hợp lệ.
- Cổ đông để trống không đánh dấu "x" hoặc "√" vào ô "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" thì được coi không có ý kiến về nội dung đó.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:

+ Phiếu không do Công ty phát hành (không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
+ Phiếu tẩy xóa và ghi thêm nội dung biểu quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
+ Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

3. **Thể lệ biểu quyết:**

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ

chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc**:

- Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. **Cách thức phát biểu:**

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

  Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

  Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

  Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 2800795... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội

Số: 02/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông

Thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và đề xuất phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

I. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN:

Năm 2024 kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng VCP đã vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng cao so với năm 2023.

- Về sản lượng phát điện năm 2024 đạt: 443.483.480 kwh bằng 120,68% so với năm 2023 đạt: 367.478.337 kwh;

- Về doanh thu phát điện năm 2024 đạt: 416.927.737.882 đồng bằng 136,84% so với năm 2023 đạt: 304.662.709.860 đồng;

- Giá điện bình quân năm 2024: 940,12 đồng bằng 113,37% so với năm 2023 đạt: 829,19 đồng

II. HOẠT ĐỘNG BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG MÁY MÓC THIẾT BỊ:

- Đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp an toàn hiệu quả;

- Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp các tổ máy phát điện của các nhà máy đảm bảo vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, đạt hiệu suất, đáp ứng yêu cầu hệ thống điện. Với kinh nghiệm sửa chữa các tổ máy hàng năm, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã chủ động phối hợp các nhà máy trong hệ thống VCP HOLDINGS chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế, bố trí đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, dụng cụ thi công phù hợp cho công tác sửa chữa, nhằm đảm bảo hoàn thành công tác đúng tiến độ và trước kế hoạch đề ra.

Năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã phối hợp cùng các nhà máy trong hệ thống bảo trì, sửa chữa và khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành với các hạng mục tiêu biểu như sau:

- Tiểu tu tổ máy H1, H2, thiết bị phụ trợ NMTĐ Tắt Ngoẵng: tháng 01/2024
- Tiểu tu tổ máy H1, H2, H3 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Nậm La: tháng 01/2024
- Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Cửa Đạt: tháng 03-04/2024
- Tiểu tu tổ máy H1-T1. H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Đăk Glun: tháng 03/2024
- Tiểu tu tổ máy H1, H2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Xuân Minh: tháng 07/2024
- Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Bái Thượng: tháng 8/2024

III. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH:

Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt các nguồn thu vừa đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, đủ nguồn tiền trả nợ gốc, lãi vay trong kỳ. Công ty đã điều hành dòng tiền hợp lý không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Trong thời gian này Công ty cũng đã tích cực huy động từ nguồn vay cá nhân giảm áp lực thiếu hụt dòng tiền. Cùng với việc mở rộng quy mô đầu tư, giá trị vay nợ cũng tăng lên nhưng Công ty luôn tính toán và kiểm soát tốt các rủi ro tài chính như rủi

ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, tỷ giá ... Các hệ số thanh toán của Công ty luôn đảm bảo an toàn và ở mức tốt so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

1. Công tác hoạt động sản xuất điện toàn hệ thống:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nhà máy	Công suất MW	Thực hiện 2023		Thực hiện 2024		Tỷ lệ TH 2024/TH2023	
			Sản lượng	Doanh thu	Sản lượng	Doanh thu	S.lượng	D.thu
1	Cửa Đạt	97	367.478.337	304.662.709.860	443.483.480	416.927.737.882	120,68%	136,84%
2	Xuân Minh	15	53.763.315	65.191.742.739	62.266.698	71.374.242.187	115,82%	109,48%
3	Bái Thượng	6	20.398.290	24.789.488.409	24.001.248	26.996.834.317	117,66%	108,90%
4	Nậm La	27	95.774.978	119.780.101.006	119.373.361	133.787.065.142	124,64%	111,69%
5	Tắt Ngoẵng	7	15.411.398	16.471.212.214	19.594.598	21.086.182.168	127,15%	128,02%
6	Đăkglun	18	77.816.760	73.097.986.841	64.189.843	62.156.002.512	82,49%	85,03%
7	Đăk Robaye	10			24.367.135	22.554.605.902		
8	Điện rác NSX	6			22.613.831	55.064.831.634		

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty con:

2.1 Công ty cổ phần Thuỷ điện Nậm La: (Nhà máy Thuỷ điện Nậm La 27 MW và Nhà máy thuỷ điện Tắt Ngoẵng 7MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	116.236.507	138.968.319	119,56%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	204.195.448.958	159.431.036.221	78,07%
3	Tổng chi phí	đồng	107.829.071.638	102.900.118.525	95,43%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	92.631.089.107	56.425.879.336	60,91%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	79.499.827.884	53.764.145.758	67,62%
6	Cổ tức	%	10%	10%	100,00%

2.2 Công ty cổ phần Thuỷ điện Xuân Minh (Nhà máy thuỷ điện Xuân Minh 15MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	52.014.563	62.266.698	121%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	65.648.823.140	71.857.388.103	109%
3	Tổng chi phí	đồng	56.825.107.706	53.051.327.720	93%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	8.823.715.433	18.806.060.383	213%

5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	7.973.715.433	17.799.970.782	223%
6	Cổ tức	%	0%	8%	

2.3 Công ty cổ phần Thuỷ điện Bái Thượng (Nhà máy thuỷ điện Bái Thượng 6MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	18.253.706	24.001.248	131,49%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	21.800.631.932	27.063.950.521	124,14%
3	Tổng chi phí	đồng	21.569.063.435	19.308.834.781	89,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	231.568.497	7.755.115.740	3357,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	219.990.072	7.400.683.353	3364,10%
6	Cổ tức	%	0%	8%	3364,10%

2.4 Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn (Nhà máy thuỷ điện Dak Glun 18MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	68.617.500	64.189.843	93,55%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	79.711.321.761	73.355.649.051	92,03%
3	Tổng chi phí	đồng	63.935.446.506	57.690.760.933	90,23%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.775.875.255	15.664.888.118	99,3%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.620.700.204	13.008.602.645	103,07%
6	Cổ tức	%	0%	5%	

2.5 Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye (Nhà máy thủy điện Đăk Robaye 10MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	24.367.135	24.367.135	100%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	23.345.046.389	23.345.046.389	100%
3	Tổng chi phí	đồng	22.529.519.663	24.530.482.679	108,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	815.526.726	-1.185.436.290	
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	(1,308,781,310)	(1,308,781,310)	
6	Cổ tức	%			

2.6 Công ty TNHH môi trường Ngôi sao xanh (Nhà máy điện rác NSX 6,1MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH

1	Sản lượng phát điện	kwh	22.000.000	22.613.831	102,79%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	1.000.000.000.000	1.003.882.672.456	100,38%
2.1	Trong đó doanh thu phát điện	đồng	55.000.000.000	55.064.831.634	100,11%
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng		104.832.319.879	
4	Cổ tức	%			

2.7 Công ty cổ phần Cơ điện VCP

TT	Nội dung	Dvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	12.062.198.043	12.255.258.100	102%
3	Tổng chi phí	đồng	11.925.220.633	11.791.119.520	98,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	136.977.412	464.138.580	338,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	9.977.411	272.623.682	2732%
3	Cổ tức	%		1%	

Công ty cổ phần Cơ điện VCP (VCP ME) đã thực hiện rất tốt các công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thuỷ điện trong hệ thống. Trong năm 2024, không có nhà máy nào có các sự cố đang tiếc và không kiểm soát được.

2.8 Công ty TNHH Thuỷ điện Đăk lô 4

Địa điểm thực hiện: Xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

Công suất thiết kế: 10MW, Sản lượng điện thiết kế: 34,0 triệu kWh

Tổng mức đầu tư: 373 tỷ đồng.

Công tác thực hiện đầu tư:

- Đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Đang thực hiện công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công.

2.9 Công ty TNHH Nhà máy thuỷ điện Thác Ba

Địa điểm thực hiện: tỉnh Bình Thuận

Công suất thiết kế: 18MW, Sản lượng điện thiết kế: 70,89 triệu kWh

Tổng mức đầu tư: 634 tỷ đồng

Công tác thực hiện đầu tư:

- Đã hoàn thành thiết kế cơ sở;
- Đang thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, giải phóng mặt bằng bằng, công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch đề ra:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	**Sản lượng điện**	**Kwh**	**372.439.800**	**443.483.480**	**118,71%**
II	**Doanh thu, thu nhập**	**đồng**	**382.127.788.936**	**468.064.011.305**	**122,48%**
1	Doanh thu bán điện	đồng	311.930.698.075	416.927.737.882	133,66%
2	Doanh thu khác, thu nhập	đồng	70.197.090.861	51.136.273.423	72,85%
III	**Tổng chi phí**	**đồng**	**302.633.008.020**	**283.035.388.424**	**93,52%**
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*đồng*	128.049.531.332	112.188.187.985	87,61%
IV	**Lợi nhuận**	**đồng**	**79.494.780.916**	**185.028.622.881**	**232,75%**
1	LN trước thuế	đồng	79.494.780.916	185.028.622.881	232,75%
2	Thuế TNDN	đồng	8.340.382.428	17.783.244.588	213,22%
3	LN sau thuế	đồng	**71.154.398.488**	**167.245.398.293**	**235,05%**

Chỉ tiêu sản lượng phát điện:

- Sản lượng phát điện đạt: 443.483.480 kwh (119,07% so với kế hoạch), tăng 71.043.680 Kwh so với KH và đạt 120,68% so với năm 2023 (367.478.337 Kwh).

Chỉ tiêu doanh thu:

- Doanh thu sản xuất điện đạt 416.927.737.882 đồng (133,66% so với kế hoạch), tăng 104.997.039.807 đồng so với KH và đạt 136,84% so với năm 2023 (304.662.709.860 đồng).

Chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: 167.245.398.293 đồng đạt 235,05 % so với kế hoạch năm 2024.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại ngày 31/12/2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2024	31/12/2024	+/-
Tài sản ngắn hạn	đồng	261.076.269.093	159.445.603.380	(101.630.665.713)
Tài sản dài hạn	đồng	2.941.146.395.773	2.877.855.978.285	(63.290.417.488)
Tổng tài sản	đồng	3.202.222.664.866	3.037.301.581.665	(164.921.083.201)
Nợ ngắn hạn	đồng	916.879.044.940	280.037.041.882	(636.842.003.058)
Nợ dài hạn	đồng	780.500.000.000	1.087.273.914.564	306.773.914.564
Tổng nợ phải trả	đồng	1.697.379.044.940	1.367.310.956.446	(330.068.088.494)

3. Dư nợ vay và trả nợ vay tại ngày 31/12/2024:

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	01/01/2024	Số nợ gốc đã trả trong năm 2024	Số đã vay trong năm 2024	31/12/2024
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong		6.578.891.243	6.578.891.243	
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	12.862.949.678	36.193.009.365	33.340.984.811	10.010.925.124

3	Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	25.030.365.645	88.399.211.621	98.125.876.688	34.757.030.712
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	835.125.000.000	164.301.085.436		670.823.914.564
5	Vay cá nhân và đối tượng khác	762.667.059.236	988.822.660.331	812.455.787.363	586.300.186.268
	Cộng	**1.635.685.374.559**	**1.284.294.857.996**	**950.501.540.105**	**1.301.892.056.668**

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống VCP Holdings:

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	Kwh	668.475.907	778.997.813	116,53%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	1.687.295.649.435	1.772.499.363.276	109,73%
	Trong đó doanh thu bán điện	*đồng*	*641.107.558.574*	*809.947.276.012*	*126,33%*
3	Tổng chi phí	đồng	1.489.386.116.090	1.412.218.519.219	94,82%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	197.909.533.345	360.280.844.057	182,04%
5	Thuế TNDN	đồng	25.827.434.945	26.705.664.907	103,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	**172.082.098.400**	**333.525.179.150**	193,82%

VI. CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Công tác tổ chức:

- Hiện tại, số lượng CBCNV công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 là: 51 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 09 người, CBNV: 42 người.
- Chính sách đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ và nghiệp vụ cho CBNV trong công ty.
- Chính sách lương, thưởng phúc lợi: Công ty duy trì việc trả lương đủ và đúng hạn cho CBNV, nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách và quyền lợi theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn thực hiện thưởng động viên khuyến khích CBNV đã thực hiện hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Toàn bộ CBNV được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và các chính sách phúc lợi: ốm đau, thai sản, khám sức khoẻ định kỳ và được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ tết, thành lập công ty, sinh nhật ...
- Tổ chức cho CBCNV đi du lịch, khám sức khoẻ định kỳ, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

2. Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội:

- Áp dụng SAP trong toàn hệ thống - phần mềm hoạch định doanh nghiệp trong công tác kế toán và quản lý máy móc thiết bị tạo nền móng cho sự phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững.
- Công ty thực hiện các công tác môi trường và xã hội: Thả cá giống, trồng cây đầu năm, trồng cỏ khu vực mái kênh dẫn nước.
- Hỗ trợ bà mẹ Việt Nam anh hùng: 54 triệu đồng.

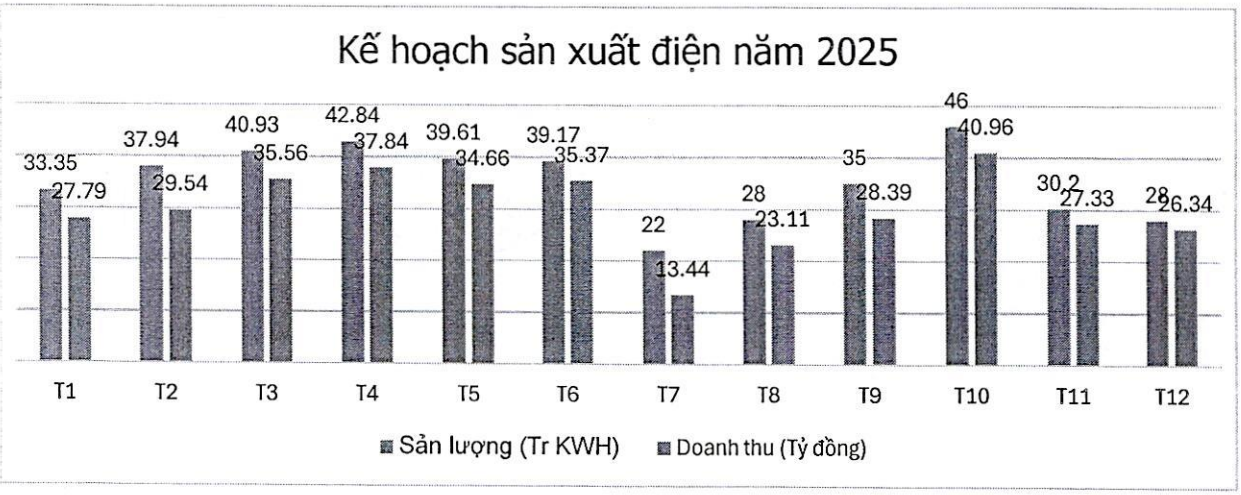
- Hỗ trợ địa phương: khoảng 400 triệu đồng.
- Nâng cao sức khoẻ cho CBCNV: Tổ chức giải chạy cho toàn bộ CBNV toàn hệ thống nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, tham gia giao lưu đá bóng với các đối tác ...
- Nâng cao khả năng tự học của CBCNV: 100% CBCNV đăng ký và đi học các khoá học phù hợp để nâng cao nghiệp vụ phục vụ tốt hơn trong công việc.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất điện năm 2025

Tiếp tục tối ưu nguồn nước, đảm bảo hiệu quả vận hành nhà máy Thủy điện Cửa Đạt với sản lượng và doanh thu cao; Đảm bảo an toàn trong việc vận hành nhà máy Thủy điện Cửa Đạt.

Thường xuyên theo dõi và kiểm tra thiết bị trong quá trình vận hành kịp thời phát hiện các lỗi để khắc phục trong thời gian ngắn nhất, hạn chế ảnh hưởng đến việc phát điện.



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
I	**Sản lượng điện**	**Kwh**	443.483.480	425.073.360
II	**Doanh thu, thu nhập**	**đồng**	468.064.011.305	389.066.540.000
1	Doanh thu bán điện	đồng	416.927.737.882	360.389.000.000
2	Doanh thu khác, thu nhập	đồng	51.136.273.423	28,677,540,000
III	**Tổng chi phí**	**đồng**	283.035.388.424	260.023.589.633
	Trong đó: Chi phí lãi vay	đồng	112.188.187.985	112.590.873.450
IV	**Lợi nhuận**	**đồng**	185.028.622.881	129.042.950.367
1	LN trước thuế	đồng	185.028.622.881	129.042.950.367
2	Thuế TNDN	đồng	17.783.224.588	25.808.590.073
3	LN sau thuế	đồng	**167.245.398.293**	**103.234.360.294**

3. Hoạt động đầu tư phát triển dự án năm 2025:

- Triển khai khởi công xây dựng dự án Đăk Lô 1, Đăk Lô 3 tại Kon Tum và tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý và các thủ tục liên quan đến việc đầu tư các dự án của VCP như Dự án Thuỷ điện Đăk lô 4, Dự án Thủy điện Thác Ba, Dự án Thuỷ điện Xuân Khao, dự án điện mặt trời tại Bình Phước.

- Tiếp tục tìm kiếm các dự án về thuỷ điện để đầu tư tăng quy mô của hệ thống.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ kế hoạch công tác sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT,HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2800799804 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VŨ NGỌC TÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19. tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ
Quận Đống Đa. TP Hà Nội

Số: 01/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và kiệm kỳ 2024 - 2029, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT như sau:

PHẦN I:

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

1. Về cơ cấu, tổ chức Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển năng lượng VCP gồm 05 thành viên:

1. Ông Vũ Ngọc Tú, Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Phạm Văn Minh, Phó Chủ tịch TT HĐQT – Tổng Giám đốc
3. Ông Trịnh Nguyên Khánh, TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Việt Tiến, TV HĐQT
5. Bà Nguyễn Thị Hà Ninh, TV HĐQT

2. Về hoạt động của HĐQT:

2.1 Tình hình hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của Cổ đông vì vậy mọi chỉ đạo, hoạt động của của HĐQT với Ban điều hành công ty luôn thông suốt, ổn định và hiệu quả. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc, Phó TGĐ, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ không chuyên trách.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và xin ý kiến các TV HĐQT và ban hành 16 Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo, giám sát, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty cụ thể:

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- Chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 – 2029.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 – 2029.
- Bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch TT HĐQT, Trưởng BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo nhà máy Thủy điện Đăk Robaye phát điện thương mại vào tháng 8/2024 và chuẩn bị các thủ tục cần thiết để triển khai đầu tư xây dựng dự án Đăk Lô 1, Đăk Lô 3 trong năm 2025 tại Kon Tum.
- Chỉ đạo tổ chức thành công 20 năm thành lập Công ty và Teambuilding toàn hệ thống vào tháng 5/2024 góp phần quảng bá thương hiệu và văn hóa VCP Holdings.
- Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống triển khai áp dụng ERP.
- Đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh khó tiếp cận được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thúc đẩy việc giám sát của Ban kiểm soát đảm bảo quản trị rủi ro tốt để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp của VCP và các đơn vị thành để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.
- Đưa việc tuân thủ quy định pháp luật vào thành văn hóa doanh nghiệp, làm tôn chỉ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Cử cán bộ quản lý các Ban, đơn vị thành viên kiêm nhiệm tại một số đơn vị trong hệ thống để nâng cao hiểu biết, năng lực về quản trị doanh nghiệp.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, phúc lợi cho CBNV; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.
- Tìm kiếm nhà đầu tư nước ngoài để M&A các dự án năng lượng mới tăng quy mô hoạt động của hệ thống.
- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024.
- Tiếp tục thực hiện 8 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong năm 2024 mà Công ty đang theo đuổi.
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao, hoạt động tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty đảm bảo vai trò quản lý toàn diện lĩnh vực SXKD, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. Hội đồng quản trị luôn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua, đồng thời kịp thời tổ chức các cuộc họp để bàn bạc thảo luận và ban hành các quyết định, chính sách phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp để quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty.

2.2 Thù lao của các Thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
2	Phạm Văn Minh	Phó CT HĐQT	48.000.000	
3	Trịnh Nguyên Khánh	UV HĐQT	48.000.000	
4	Nguyễn Việt Tiến	UV HĐQT	48.000.000	
5	Nguyễn Thị Hà Ninh	UV HĐQT	48.000.000	

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị luôn theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 cũng như kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

- Phó CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia các buổi họp giao ban tuần, tháng và các cuộc họp liên quan khác đến hoạt động của Công ty để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời để đạt được các mục tiêu mà HĐQT phê duyệt.
- Ban Tổng Giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc đã điều hành SXKD của Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc phân công quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng và được tạo điều kiện để có thể đạt hiệu quả làm việc tối đa. Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2024.
- Giám sát công tác điều hành, quản lý công ty để đạt được các kế hoạt sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.
- Giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.

Năm 2024 kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng VCP đã vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng cao so với năm 2023.

Do đó, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc ở một số điểm nổi bật sau:

- ✓ Ban TGĐ đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện trách nhiệm cao, duy trì bộ máy vận hành hoạt động ổn định, hiệu quả.
- ✓ Công tác quản trị hoạt động của các Công ty thành viên trong hệ thống được duy trì thường xuyên, góp phần đảm bảo nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các công ty thành viên.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, quán triệt thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ Công ty mẹ đến các đơn

vị thành viên. Thường xuyên tăng cường công tác quản trị vốn, dòng tiền cho SXKD và đầu tư dự án.

- ✓ Công tác tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi minh bạch, không để xảy ra nợ quá hạn đối với các tổ chức tín dụng. Các giao dịch tái cấu trúc vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- ✓ Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin được thực hiện tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức không để xảy ra cháy nổ và an toàn lao động. Công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện.
- ✓ Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị luôn được chú trọng tại các Nhà máy góp phần thiết bị vận hành được ổn định an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành.
- ✓ Dẫn dắt, quản lý tốt đội ngũ nhân sự và theo dõi, đánh giá các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách sát sao.
- ✓ Quan tâm tới sự phát triển nguồn nhân lực, công tác đào tạo không chỉ cho nhu cầu hiện tại, mà còn chuẩn bị cho tương lai.
- ✓ Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, từ đó đưa ứng dụng công nghệ ERP vào quản lý, vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✓ Chú trọng phát triển văn hoá doanh nghiệp, từng bước tạo nên sự kết nối và xây dựng bản sắc của VCP Holdings.
- ✓ Duy trì tốt mọi chế độ chính sách đối với người lao động.

PHẦN II:

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng toàn thể Cán bộ nhân viên VCP đã thực hiện rất tốt chủ đề năm 2024 " **Căng buồm đón gió**" và đã mang lại những thành công nhất định trong chiến lược sản xuất kinh doanh của mình.

Với sự quyết tâm, Hội đồng quản trị đưa ra chủ đề phấn đấu của năm 2025 "**Kết nối sức mạnh, Mở rộng thành công**" với mong muốn VCP tiếp tục có những thành quả nhiều hơn nữa trong sản xuất kinh doanh và vị thế trên thị trường trong thời gian tới. Để thực hiện Chủ đề này, Hội đồng quản trị đề xuất một số mục tiêu và giải pháp, kế hoạch hoạt động của HĐQT như sau:

- Chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Công ty TNHH Đak Lô 1-3 khởi công xây dựng dự án Đăk Lô 1, Đăk Lô 3 trong năm 2025.

- Chỉ đạo Công ty SMA nghiên cứu đầu tư dự án điện mặt trời trên hồ và trên đất tại Nhà máy Thủy điện Đăk Glun.
- Tiếp tục M&A các dự án có tính khả thi cao.
- Đưa việc tuân thủ quy định pháp luật vào thành văn hóa doanh nghiệp, làm tôn chỉ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Cử cán bộ quản lý các Ban, đơn vị thành viên kiêm nhiệm tại một số đơn vị trong hệ thống để nâng cao hiểu biết, năng lực về quản trị doanh nghiệp.
- Triển khai tốt việc áp dụng ERP trong toàn hệ thống.
- Đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thúc đẩy việc giám sát của Ban kiểm soát đảm bảo quản trị rủi ro tốt để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục thực hiện 8 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong năm 2025 mà Công ty đang theo đuổi.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao hình ảnh, thương hiệu VCP.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo nội bộ trong hệ thống VCP.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, phúc lợi cho CBNV; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý và điều hành năm 2024 và nhiệm vụ, phương hướng hoạt động năm 2025. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét góp ý và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:
- *Như kính gửi.*
- *Lưu HĐQT, TCHC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Website: vcpholdings.com.vn

Số: 03/2025/BC-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

Căn cứ:

- *Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty")*
- *Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*
- *Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2024.*

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên
- Bà Bùi Hải Yến - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lương VCP báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2025, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2024

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để HĐQT bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.
2. Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
3. Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty hàng quý, nắm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.
4. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
5. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban TGĐ theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
6. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
7. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
8. Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2024, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.
9. Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGĐ để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng

HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động

1. Đánh giá tổng quan

Công ty ổn định và duy trì bộ máy nhân sự đã được tinh gọn. Hiện đại hoá phương thức vận hành, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác Kế toán và quản lý máy móc thiết bị, triển khai các hoạt động có ảnh hưởng tích cực cho việc phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 9 Công ty con và 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành 06 Nghị quyết thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra. Đồng thời, ban hành các văn bản, phê duyệt các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh, nêu cao tính sáng tạo, chủ động của tập thể và cá nhân.

3. Đánh giá hoạt động của Ban TGĐ

Ban TGĐ đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Ban TGĐ Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kết quả như sau (Số liệu được lấy theo BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH-KH	% TH/KH
Sản lượng	**kwh**	**367.418.991**	**372.439.800**	**443.483.480**	**71.043.680**	**119%**
Doanh thu và Thu nhập	**tr.đ**	**340.866**	**382.128**	**494.651**	**112.523**	**129%**
-Doanh thu bán điện	*tr.đ*	*304.656*	*311.931*	*416.928*	*104.997*	*134%*
-Doanh thu xây lắp và Khác	*tr.đ*	*36.210*	*70.197*	*77.723*	*7.526*	*111%*
Chi phí	**tr.đ**	**243.749**	**302.633**	**309.622**	**6.989**	**102%**
Trong đó: Chi phí lãi vay	*tr.đ*	*97.017*	*128.050*	*112.188*	*-15.861*	*88%*
Lợi nhuận trước thuế	**tr.đ**	**97.117**	**79.495**	**185.029**	**105.534**	**233%**
Thuế TNDN	tr.đ	8.997	8.340	17.783	9.443	213%
Lợi nhuận sau thuế	**tr.đ**	**88.120**	**71.154**	**167.245**	**96.091**	**235%**

Năm 2024, Kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng Công ty đã vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2023.

Tổng sản lượng phát điện năm 2024 đạt 443.483.480 kwh (Đạt 119% so với kế hoạch), tăng 76.064.489 kwh so với năm 2023 tương ứng với mức tăng 21%.

Tổng doanh thu, thu nhập năm 2024 đạt 494,651 tỷ đồng (Đạt 129% so với kế hoạch), tăng 153,785 tỷ đồng so với năm 2023 tương ứng với mức tăng 45%. Nguyên nhân đến từ việc tăng sản lượng phát điện, đồng thời tăng đơn giá bán điện bình quân từ 829,19 đồng (Năm 2023) lên 940,12 đồng (Năm 2024).

Tổng chi phí năm 2024 đạt 309,622 tỷ đồng (Cao hơn 2% so với kế hoạch), tăng 65,873 tỷ đồng so với năm 2023 tương ứng mức tăng 27%. Tốc độ tăng của chi phí nhỏ hơn tốc độ tăng của Doanh thu do một số khoản chi phí không biến động theo doanh thu như: Chi phí lãi vay, Chi phí quản lý cố định khác....

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-23	31-12-24	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	261.076	159.446	-101.631	-39%
Tài sản dài hạn	tr.đ	2.941.146	2.877.856	-63.290	-2%
Tổng tài sản	**tr.đ**	**3.202.223**	**3.037.302**	**-164.921**	**-5%**
Nợ ngắn hạn	tr.đ	916.879	280.037	-636.842	-69%
Nợ dài hạn	tr.đ	780.500	1.087.274	306.774	39%
Tổng nợ phải trả	**tr.đ**	**1.697.379**	**1.367.311**	**-330.068**	**-19%**
Vốn góp CSH	tr.đ	837.897	837.897	0	0%
Thặng dư vốn cổ phần	tr.đ	5.940	5.940	0	0%
Quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	389.589	475.611	86.021	22%
LN chưa phân phối	tr.đ	271.418	350.543	79.126	29%
Tổng vốn CSH	**tr.đ**	**1.504.844**	**1.669.991**	**165.147**	**11%**

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 giảm khoảng 164,921 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 5% so với thời điểm 31/12/2023 chủ yếu do: Khấu hao tài sản trong năm và sử dụng tài sản ngắn hạn để thanh toán khoản nợ ngắn hạn.

Tổng nợ phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 giảm 636,842 tỷ đồng so với 31/12/2023 đã khiến công ty giảm áp lực tài chính trong ngắn hạn.

Thay vào đó, Công ty sử dụng nguồn vốn vay dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối. Cụ thể: Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2024 tăng 306,774 tỷ so với với thời điểm 31/12/2023. Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 tăng 79,126 tỷ so với thời điểm 31/12/2023. Việc dịch chuyển sang nguồn tài chính dài hạn giúp Côn ty ổn định dòng vốn tuy nhiên có thể làm gia tăng chi phí sử dụng vốn.

Trong năm, Công ty đã sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối để trích lập Quỹ đầu tư phát triển 86,021 tỷ đồng để dự trù nguồn vốn đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-23	31-12-24
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,28	0,57
Tài sản dài hạn/Nợ dài hạn	lần	3,77	2,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,53	0,45
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,13	0,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3%	6%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	%	11%	20%

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đã được cải thiện lên 0,57 lần cho thấy 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 0,57 đồng Tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên, điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và rủi ro mất khả năng thanh toán trong ngắn hạn

Hệ số khả năng thanh toán dài hạn giảm so với cùng thời điểm năm ngoái còn 2,65 lần, nguyên nhân do trong năm 2024 Công ty gia tăng nguồn lực tài chính từ các khoản Nợ dài hạn

Cơ cấu nợ phải trả đã duy trì ở mức an toàn hơn so với thời điểm năm ngoái. Theo đó tại thời điểm năm ngoái, nợ phải trả cao hơn vốn chủ sở hữu 1,13 lần, chỉ số này tại 31/12/2024 chỉ còn 0,82 lần

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2024 có sự cải thiện đáng kể so với năm 2023. Theo đó, 100 đồng tài sản tạo ra được 6 đồng lợi nhuận sau thế và 100 đồng vốn góp của chủ sở hữu tạo ra 20 đồng lợi nhuận sau thuế.

Tình hình dòng tiền của đơn vị trong năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	215.169	219.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	tr.đ	-997.138	24.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	tr.đ	869.860	-340.837
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**tr.đ**	**87.892**	**-96.161**

Dòng tiền thuần trong năm âm 96,161 tỷ thể hiện dòng tiền thu vào nhỏ hơn dòng tiền chi ra trong năm 96,161 tỷ đồng. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh dương 219,717 tỷ đồng, ổn định so với năm 2023 cho thấy tích cực từ việc thu hồi các khoản Công nợ phải thu. Dòng từ từ hoạt động đầu tư dương 24,959 tỷ đồng do trong năm Công ty nhận được các khoản cổ tức từ Công ty con và lãi tiền gửi. Dòng tiền từ hoạt động tài chính âm 340,837 tỷ do trong năm Công ty thanh toán một số khoản nợ gốc vay.

Đánh giá hoạt động đầu tư của Công ty mẹ và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-23	31-12-24	+/-	% tăng/giảm
Đầu tư vào công ty con	tr.đ	2.342.226	2.342.226	0	0%
	TH 2023	**KH 2024**	**TH 2024**	**TH-KH**	**% TH/KH**
Doanh thu và thu nhập hợp nhất	tr.đ	774.459	1.687.296	1.782.647	95.351	106%
Tổng chi phí hợp nhất	tr.đ	622.209	1.489.386	1.422.366	-67.020	96%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tr.đ	152.250	197.910	360.281	162.371	182%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	tr.đ	136.585	172.082	333.575	161.493	194%

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của VCP bao gồm 09 công ty con và 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, Doanh thu và thu nhập hợp nhất đạt 106% so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 194% so với Kế hoạch. Đây là tính hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong lĩnh vực thủy điện.

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2024.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGĐ

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGĐ Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2024, HĐQT cùng Ban TGĐ và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát. Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

- Với điều kiện kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng năm 2024 Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng cao so với năm 2023
- Công tác vận hành trong năm đã đảm bảo sự an toàn, ổn định, đạt hiệu suất với việc bảo trì, bảo dưỡng và khách phục các sự cố kịp thời trong quá trình vận hành
- Việc quản lý, giám sát công tác đầu tư tại các công ty con đã được thực hiện chặt chẽ bằng hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con.

- Ban điều hành đã sử dụng linh hoạt các nguồn thu đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, thanh toán nợ gốc và lãi vay trong kỳ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn

2. Kiến nghị

- HĐQT Công ty quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo điều hành, phân giao rõ nhiệm vụ, thời gian hoàn thành đối với cấp quản lý Công ty.
- Ban TGĐ Công ty xem xét duy trì và ứng dụng có chiều sâu các công cụ quản lý hiện đại: SAP, BSC, 5S..., đề cao việc xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp VCP, duy trì các hoạt động phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục tối ưu nguồn nước, đảm bảo hiệu quả vận hành các tổ máy hợp lý, thường xuyên theo dõi và kiểm tra thiết bị nhằm kịp thời phát hiện các lỗi để khắc phục trong thời gian ngắn.
- Số dư khoản nợ ngắn hạn và dài hạn đã ở mức thấp hơn so với năm 2023, tuy nhiên vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn, có thể gây ra áp lực tài chính. Do đó, công ty cần xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo khả năng thanh toán, kiểm soát tốt các rủi ro tài chính như: rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất...
- Công ty cần tiếp tục có biện soát kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư vào công ty con, đặt ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cụ thể, giám sát quá trình thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động đầu tư.
- Khoản phải thu về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có số dư hơn 36 tỷ đồng, đã được trích lập dự phòng toàn bộ. Đề nghị Ban TGĐ tiếp tục có biện pháp đôn đốc, thu hồi khoản công nợ phải thu này.
- Khoản phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo hợp đồng giữa công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam giá trị: 6.625.793.673đ. Theo đó, công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy thủy điện Cửa Đạt năm 2019. Đến nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản này, đề nghị đơn vị có giải pháp và đôn đốc thu hồi khoản công nợ này.
- Đối với khoản đầu tư vào dự án Công trình Thủy điện Xuân Khao với giá trị hơn 4,8 tỷ đồng triển khai theo Quyết định số 2021/QGG-BCT ngày 06/06/2017 của Bộ Công thương, tính đến nay chỉ phát sinh các khoản chi phí khảo sát, thăm dò và lập báo cáo nghiên cứu khả thi, đề nghị ban TGĐ đôn đốc và đánh giá tính khả thi của dự án. Đồng thời, các dự án Thủy điện Thác Ba, Thủy điện Đăk Robaye, Thủy điện Đak Lô 4, đề nghị BLĐ VCP thường xuyên đốc thúc BLĐ công ty con để đẩy nhanh tiến độ, hỗ trợ về mặt giải quyết thủ tục pháp lý, kỹ thuật, xây dựng... (nếu cần).
- Khoản tiền hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam với giá trị 5 tỷ đồng đã được trích lập dự phòng toàn bộ. Đề nghị đơn vị nghiên cứu và đưa ra phương án thu hồi, kết quả của việc hợp tác.
- Trong năm 2024, Công ty có các giao dịch với các bên có mối quan hệ liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như Thủy điện Thác Ba, Thủy điện Đak Lô 4... Ban Kiểm soát cảnh báo và khuyến nghị Ban TGĐ về việc kiểm soát chi phí lãi vay nhằm tối ưu chi phí thuế TNDN và thực hiện nghĩa vụ kê khai giao dịch liên kết. Đồng thời cần theo dõi chi tiết chi phí lãi vay không được trừ để đảm bảo căn cứ ghi nhận trong các năm tiếp theo quy định (trong 05 năm).

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

I. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2025

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban TGĐ.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP năm 2024; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT,*
- *Lưu VP Cty+BKS*

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 2800799... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 04/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát Công ty năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và đánh giá xếp loại lao động của công ty;*
- *Căn cứ kế hoạch SXKD năm tài chính 2024 đã được thông qua của Cty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP:

1. Báo cáo thực hiện chi thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2024, chi tiết như sau:

Đơn vị: Đồng

Stt	Đối tượng	Kế hoạch	Đã chi
1	Hội đồng quản trị	252.000.000	252.000.000
2	Ban Kiểm soát	84.000.000	84.000.000
	Cộng	**336.000.000**	**336.000.000**

2. Đề xuất mức thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2025:

Stt	Nội dung	Số tiền/tháng	Năm 2024
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000	60.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000	48.000.000
3	Thành viên HĐQT (3 TV)	4.000.000	144.000.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	36.000.000
5	Thành viên BKS (2 TV)	2.000.000	48.000.000
	Cộng		**336.000.000**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận :
- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT, HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

ISO 9001
ISO 14001
INTEGRATED MANAGEMENT

Số: 03/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2024 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo và kính trình Quý vị cổ đông xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024 của Công ty như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: **167.245.398.293 đồng**.

+ Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024-2029 ngày 26/4/2024 là: **336.000.000 đồng**.

+ Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức, chi thưởng và phân phối các quỹ: **166.909.398.293 đồng.**

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất:

1. Trả cổ tức năm 2024: **50.273.794.800 đồng** tương đương 6% Vốn điều lệ (837.896.580.000 đồng).
2. Trích quỹ Đầu tư phát triển: **113.291.603.493 đồng.**
3. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **3.344.000.000 đồng** (tương đương với 2% lợi nhuận sau thuế năm 2024).

+ Lợi nhuận sau thuế của năm 2024 chưa phân phối còn lại là: **0 đồng**

Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT,HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 01/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ 2024 - 2029.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán *(Có báo cáo kèm theo)*.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VP, HĐQT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông	Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch thường trực
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên
Bà	Bùi Hải Yến	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Vũ Ngọc Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Văn Minh – Tổng Giám đốc được ông Vũ Ngọc Tú ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Quyết định số 120/2021/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 08/11/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 280325.009/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**159.445.603.380**	**261.076.269.093**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**7.971.697.067**	**104.132.565.541**
111	1. Tiền	3	7.971.697.067	104.132.565.541
130	**II. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**135.160.101.513**	**140.106.196.760**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	118.361.538.173	116.929.304.636
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.438.915.326	299.996.216
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	57.060.159.143	56.876.895.908
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(41.700.511.129)	(34.000.000.000)
140	**III. Hàng tồn kho**		**14.192.902.272**	**14.849.059.271**
141	1. Hàng tồn kho	9	14.192.902.272	14.849.059.271
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**2.120.902.528**	**1.988.447.521**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.120.902.528	1.988.447.521
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.877.855.978.285**	**2.941.146.395.773**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.118.462.400**	**1.118.462.400**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.118.462.400	1.118.462.400
220	**II. Tài sản cố định**		**525.519.482.624**	**589.894.602.339**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	369.371.719.174	430.670.035.668
222	*- Nguyên giá*		*1.232.549.018.228*	*1.232.549.018.228*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(863.177.299.054)*	*(801.878.982.560)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	156.147.763.450	159.224.566.671
228	*- Nguyên giá*		*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(43.852.236.550)*	*(40.775.433.329)*
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**4.913.940.641**	**4.913.940.641**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.913.940.641	4.913.940.641
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**2.342.226.258.080**	**2.342.226.258.080**
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.342.226.258.080	2.342.226.258.080
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**4.077.834.540**	**2.993.132.313**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.077.834.540	2.993.132.313
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.037.301.581.665**	**3.202.222.664.866**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.367.310.956.446**	**1.697.379.044.940**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**280.037.041.882**	**916.879.044.940**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	13.772.593.744	21.191.399.674
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.417.402.840	14.092.802.007
314	3. Phải trả người lao động		3.124.914.159	1.144.586.776
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	25.434.610.262	15.366.837.233
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.879.877.155	3.903.726.073
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	214.618.142.104	855.185.374.559
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.789.501.618	5.994.318.618
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.087.273.914.564**	**780.500.000.000**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	1.087.273.914.564	780.500.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.669.990.625.219**	**1.504.843.619.926**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**19**	**1.669.990.625.219**	**1.504.843.619.926**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837.896.580.000	837.896.580.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.940.175.148	5.940.175.148
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		475.610.609.601	389.589.351.149
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		350.543.260.470	271.417.513.629
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*183.297.862.177*	*183.297.862.177*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*167.245.398.293*	*88.119.651.452*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.037.301.581.665**	**3.202.222.664.866**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**468.064.011.305**	**310.820.001.140**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**468.064.011.305**	**310.820.001.140**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**22**	**156.817.038.193**	**112.283.956.329**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**311.246.973.112**	**198.536.044.811**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25.056.910.571	29.703.856.066
22	7. Chi phí tài chính	24	112.188.187.985	101.815.207.371
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*112.188.187.985*	*97.016.993.100*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	40.535.565.639	29.139.296.465
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**183.580.130.059**	**97.285.397.041**
31	11. Thu nhập khác	26	1.529.707.530	342.142.758
32	12. Chi phí khác	27	81.214.708	510.563.711
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.448.492.822**	**(168.420.953)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**185.028.622.881**	**97.116.976.088**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	17.783.224.588	8.997.324.636
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**167.245.398.293**	**88.119.651.452**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***185.028.622.881***	***97.116.976.088***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		64.375.119.715	64.410.375.974
03	- Các khoản dự phòng		7.700.511.129	
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.056.910.571)	(29.785.556.697)
06	- Chi phí lãi vay		112.188.187.985	101.815.207.371
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***344.235.531.139***	***233.557.002.736***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(2.656.366.017)	107.029.637.797
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		656.156.999	(1.692.404.766)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.417.490.047	(17.306.956.587)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(1.217.157.234)	604.419.238
14	- Tiền lãi vay đã trả		(95.095.736.053)	(87.782.928.467)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.319.289.267)	(15.804.845.780)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.303.210.000)	(3.434.431.054)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***219.717.419.614***	***215.169.493.117***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.500.920.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	263.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(315.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	316.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.095.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.958.860.706	98.099.365.036
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***24.958.860.706***	***(997.137.919.509)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		314.632.146.221	1.855.947.377.800
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(655.450.143.015)	(985.770.971.365)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.152.000)	(316.400.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(340.837.148.794)***	***869.860.006.435***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(96.160.868.474)**	**87.891.580.043**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**104.132.565.541**	**16.240.985.498**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**7.971.697.067**	**104.132.565.541**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 837.896.580.000 VND, tương đương 83.789.658 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 53 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 50 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh Bất động sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tại ngày 31/12/2024, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 120.591.438.502 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 119.850.186.268 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 655.802.775.847 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 282.757.059.236 VND) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính riêng này vẫn được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm 2024, do tình hình thủy văn thuận lợi hơn năm trước, lưu lượng nước về hồ thủy điện tăng dẫn đến doanh thu bán điện năm nay tăng mạnh so với năm trước, theo đó lợi nhuận bán điện tăng tương ứng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt - Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại Thanh Hóa	Thanh Hoá	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Công ty và đơn vị trực thuộc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm, khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Các tài sản khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất	65 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí khảo sát, thăm dò, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí tư vấn, thẩm định và các chi phí trực tiếp khác của những dự án mới đang trong giai đoạn nghiên cứu triển khai và xin cấp giấy chứng nhận đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm;
- Chi phí bản quyền phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực bản quyền theo hợp đồng tương ứng trong thời gian 01 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.	Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2010 đến năm 2024). Công ty được miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022).	Năm 2024 là năm tài chính thứ 15 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Do đó, Công ty đang được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	840.327.978	339.477.707
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.131.369.089	103.793.087.834
	7.971.697.067	**104.132.565.541**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**1.562.912.820**	**-**	**9.867.347.348**	**-**
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	-	-	8.516.340.488	-
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	798.170.540	-	767.970.540	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	764.742.280	-	583.036.320	-
Bên khác	**116.798.625.353**	**-**	**107.061.957.288**	**-**
- Công ty Mua bán điện	116.594.475.145	-	106.621.925.178	-
- Các khách hàng khác	204.150.208	-	440.032.110	-
	118.361.538.173	**-**	**116.929.304.636**	**-**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty TNHH HUDE Việt Nam	1.011.561.000	-
- Các đối tượng khác	427.354.326	299.996.216
	1.438.915.326	**299.996.216**

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	343.973.426	-	334.483.364	-
- Ký cược, ký quỹ	3.302.955.308	-	3.188.232.000	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	36.700.511.129	(36.700.511.129)	36.700.511.129	(34.000.000.000)
- Công ty Mua bán điện (2)	6.625.793.673	-	6.625.793.673	-
- Phải thu về cổ tức được chia	100.000.000	-	-	-
Bên liên quan				
+ Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	*100.000.000*	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tasco (3)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi	52.628.895	-	54.579.030	-
- Phải thu khác	4.934.296.712	-	4.973.296.712	-
	57.060.159.143	**(41.700.511.129)**	**56.876.895.908**	**(34.000.000.000)**
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.118.462.400	-	1.118.462.400	-
	1.118.462.400	**-**	**1.118.462.400**	**-**

(1) Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt năm 2015 và 2016 thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký với Công ty. Theo Công văn số 306/NHPT.SGDI-BL ngày 19/07/2022 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khoản phải thu trên đang chờ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn để chi trả. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang tiếp tục đôn đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu hồi khoản công nợ này.

(2) Phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012HĐ-NMĐ-Cửa Đạt và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 11 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, Công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy Thủy điện Cửa Đạt mà Công ty đã chi trả. Số dư tại ngày 31/12/2024 là tiền chênh lệch tỷ giá năm 2019 chờ được thanh toán.

(3) Được thực hiện theo Thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36.700.511.129	-	36.700.511.129	2.700.511.129
- Công ty Cổ phần Tasco	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
	41.700.511.129	**-**	**41.700.511.129**	**7.700.511.129**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	14.151.188.458	-	14.809.913.896	-
- Công cụ, dụng cụ	41.713.814	-	39.145.375	-
	14.192.902.272	**-**	**14.849.059.271**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công trình Thủy điện Xuân Khao (*)	4.800.929.937	4.800.929.937
- Công trình khác	113.010.704	113.010.704
	4.913.940.641	**4.913.940.641**

(*) Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu triển khai theo Quyết định số 2021/QĐ-BCT ngày 06/06/2017 của Bộ Công Thương và nằm trong kế hoạch thực hiện quy hoạch theo Tờ trình số 644/TTr-BCT ngày 26/01/2024 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ. Các chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí khảo sát, thăm dò, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xin giấy chứng nhận đầu tư.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 176 xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn theo khoản 1, Điều 12, Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, được sử dụng để xây dựng nhà máy thủy điện) có nguyên giá 200.000.000.000 VND, thời gian sử dụng đất đến ngày 10/08/2075. Giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 43.852.236.550 VND, trong đó khấu hao trong năm là 3.076.803.221 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	1.392.902.528	896.447.521
- Chi phí bản quyền phần mềm	728.000.000	1.092.000.000
	2.120.902.528	**1.988.447.521**
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.077.834.540	2.993.132.313
	4.077.834.540	**2.993.132.313**

14 . CÁC KHOẢN VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**1.250.235.000**	**1.250.235.000**	**6.619.198.000**	**6.619.198.000**
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	1.250.235.000	1.250.235.000	6.603.100.000	6.603.100.000
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	-	-	16.098.000	16.098.000
Bên khác	**12.522.358.744**	**12.522.358.744**	**14.572.201.674**	**14.572.201.674**
- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	8.596.925.958	8.596.925.958	6.359.245.752	6.359.245.752
- Công ty TNHH Phát triển Khoa học Công nghệ ZHE LU	3.526.392.696	3.526.392.696	-	-
- Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	-	-	3.050.575.482	3.050.575.482
- Phải trả các đối tượng khác	399.040.090	399.040.090	5.162.380.440	5.162.380.440
	13.772.593.744	**13.772.593.744**	**21.191.399.674**	**21.191.399.674**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	25.434.610.262	15.366.837.233
	25.434.610.262	**15.366.837.233**
Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	10.603.410.959	2.063.219.178
- Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	5.539.863.014	2.024.149.315
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	47.342.466	51.287.671
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	1.123.024.658	571.102.911
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	354.958.903	-
	17.668.600.000	**4.709.759.075**

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	99.230.420	70.616.020
- Bảo hiểm xã hội	6.804.000	8.778.000
- Bảo hiểm y tế	-	2.268.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	612.000
- Cổ tức phải trả	3.657.585.564	3.676.737.564
- Phải trả khác	116.257.171	144.714.489
	3.879.877.155	**3.903.726.073**

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	159.250.010.000	19,01	159.250.010.000	19,01
- Bà Phạm Thu Huyền	142.544.800.000	17,01	142.544.800.000	17,01
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	59.284.690.000	7,07	59.284.690.000	7,07
- Ông Đỗ Tuấn Anh	72.807.800.000	8,69	72.807.800.000	8,69
- Ông Vũ Hà Nam	64.721.700.000	7,72	48.461.700.000	5,78
- Các cổ đông khác	339.287.580.000	40,50	355.547.580.000	42,44
	837.896.580.000	**100,00**	**837.896.580.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*3.676.737.564*	*3.993.137.564*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	-	-
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(19.152.000)*	*(316.400.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(19.152.000)	(316.400.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**3.657.585.564**	**3.676.737.564**

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83.789.658	83.789.658
- *Cổ phiếu phổ thông*	*83.789.658*	*83.789.658*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.789.658	83.789.658
- *Cổ phiếu phổ thông*	*83.789.658*	*83.789.658*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản cho thuê ngoài

Tài sản cho thuê ngoài là văn phòng làm việc có địa chỉ tại tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội và đường dây 110 KV Cửa Đạt - Mục Sơn - Ba Chè tại Thanh Hoá, được Công ty cho thuê như sau:

Tên khách hàng	Tài sản/Dịch vụ cho thuê	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Văn phòng làm việc	10.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Văn phòng làm việc	15.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm La	Văn phòng làm việc	15.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Văn phòng làm việc	27.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty TNHH MTV Thủy điện Đak Robaye	Văn phòng làm việc	25.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	Văn phòng làm việc	20.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần NVT Holdings	Văn phòng làm việc	40.000.000	Từ 01/11/2024 đến 31/10/2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Đường dây 110 KV Cửa Đạt - Mục Sơn - Ba Chè và một số dịch vụ khác	40 VND/kWh	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

b. Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích (m^2)	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Sử dụng làm văn phòng làm việc	614,00	250.512.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028
Thửa đất số 838 tờ bản đồ số 29, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	28.962,90	Miễn tiền thuê đất	Từ 23/10/2009 đến 23/10/2059

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện	416.927.737.883	304.655.928.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.539.925.420	4.134.117.484
Doanh thu hợp đồng xây lắp	46.596.348.002	1.241.191.680
Doanh thu khác	-	788.763.301
	468.064.011.305	**310.820.001.140**

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán điện	109.812.592.143	107.024.832.652
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.539.925.420	3.656.844.757
Giá vốn hợp đồng xây lắp	42.464.520.630	1.602.278.920
	156.817.038.193	**112.283.956.329**

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	191.470.571	3.588.776.066
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.865.440.000	26.115.080.000
	25.056.910.571	**29.703.856.066**

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	112.188.187.985	97.016.993.100
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.798.214.271
	112.188.187.985	**101.815.207.371**

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.794.667.661	8.818.756.351
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	40.001.365	69.809.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.187.465	795.948.887
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	7.700.511.129	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.828.017.490	16.708.585.226
Chi phí khác bằng tiền	5.358.180.529	2.743.196.743
	40.535.565.639	**29.139.296.465**

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ thuộc tính năng lượng (EACs)	1.421.707.529	-
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	81.700.631
Tiền phạt thu được	-	76.511.263
Thu nhập khác	108.000.001	183.930.864
	1.529.707.530	**342.142.758**

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	81.214.708	510.563.711
	81.214.708	**510.563.711**

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	185.028.622.881	97.116.976.088
Các khoản điều chỉnh tăng	12.115.528.095	17.724.258.730
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132	*4.011.127.258*	*16.891.020.019*
- Chi phí dự phòng	*7.700.511.129*	-
- Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ	*322.675.000*	*322.675.000*
- Phạt vi phạm hành chính	*81.214.708*	*510.563.711*
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.865.440.000)	(26.115.080.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(24.865.440.000)*	*(26.115.080.000)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	172.278.710.976	88.726.154.818
- Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh điện	*166.725.176.075*	*87.479.063.272*
- Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	*5.553.534.901*	*1.247.091.546*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**17.783.224.588**	**8.997.324.636**
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh điện (10%)	*16.672.517.608*	*8.747.906.327*
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác (20%)	*1.110.706.980*	*249.418.309*
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.482.622.935	15.290.144.079
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(24.319.289.267)	(15.804.845.780)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**1.946.558.256**	**8.482.622.935**

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.538.480.072	3.388.337.710
Chi phí nhân công	19.623.745.779	18.684.184.404
Chi phí khấu hao TSCĐ	64.375.119.715	64.410.375.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.651.668.221	47.373.902.928
Chi phí khác bằng tiền	20.163.590.045	7.566.451.778
	197.352.603.832	**141.423.252.794**

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024			
Tiền	7.131.369.089	-	7.131.369.089
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.721.186.187	1.118.462.400	134.839.648.587
	140.852.555.276	**1.118.462.400**	**141.971.017.676**
Tại ngày 01/01/2024			
Tiền	103.793.087.834	-	103.793.087.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.806.200.544	1.118.462.400	140.924.662.944
	243.599.288.378	**1.118.462.400**	**244.717.750.778**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	214.618.142.104	696.273.914.564	391.000.000.000	1.301.892.056.668
Phải trả người bán, phải trả khác	17.652.470.899	-	-	17.652.470.899
Chi phí phải trả	25.434.610.262	-	-	25.434.610.262
	257.705.223.265	**696.273.914.564**	**391.000.000.000**	**1.344.979.137.829**
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	855.185.374.559	334.250.000.000	446.250.000.000	1.635.685.374.559
Phải trả người bán, phải trả khác	25.095.125.747	-	-	25.095.125.747
Chi phí phải trả	15.366.837.233	-	-	15.366.837.233
	895.647.337.539	**334.250.000.000**	**446.250.000.000**	**1.676.147.337.539**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	314.632.146.221	1.855.947.377.800
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	655.450.143.015	445.770.971.365
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	540.000.000.000

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh điện VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động Dịch vụ khác VND	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp** **VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	416.927.737.883	46.596.348.002	4.539.925.420	468.064.011.305
Giá vốn hàng bán	109.812.592.143	42.464.520.630	4.539.925.420	156.817.038.193
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**307.115.145.740**	**4.131.827.372**	**-**	**311.246.973.112**
Tổng chi phí mua TSCĐ				**-**
Tài sản bộ phận	628.846.648.141	183.108.166	35.397.022.729	664.426.779.036
Tài sản không phân bổ				2.372.874.802.629
Tổng tài sản	**628.846.648.141**	**183.108.166**	**35.397.022.729**	**3.037.301.581.665**
Nợ phải trả của các bộ phận	1.341.198.976.732	3.780.161.097	-	1.344.979.137.829
Nợ phải trả không phân bổ				22.331.818.617
Tổng nợ phải trả	**1.341.198.976.732**	**3.780.161.097**	**-**	**1.367.310.956.446**

Theo khu vực địa lý:

	Thanh Hoá VND	Bắc Ninh VND	Khác VND	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp** **VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	416.927.737.883	44.739.144.437	6.397.128.985	468.064.011.305
Tài sản bộ phận	3.034.163.161.387	-	3.138.420.278	3.037.301.581.665
Tổng chi phí mua tài sản cố định				-

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

			31/12/2024			01/01/2024		
		Mã CK	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	(2)		25.500.000.000		-	25.500.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	(1)	XMP	76.500.000.000	122.400.000.000	-	76.500.000.000	153.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	(2)		178.000.000.000		-	178.000.000.000		-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	(2)		181.000.000.000		-	181.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	(2)		500.326.258.080		-	500.326.258.080		-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(2)		19.900.000.000		-	19.900.000.000		-
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(2)		266.000.000.000		-	266.000.000.000		-
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	(2)		1.095.000.000.000		-	1.095.000.000.000		-
			2.342.226.258.080		**-**	**2.342.226.258.080**		**-**

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.
(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Kon Tum	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	Kon Tum	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Sơn La	82,77%	82,77%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Hà Nội	99,50%	99,50%	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Bình Thuận	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Bắc Ninh	99,55%	99,55%	Xử lý nước thải, rác thải, bán điện

Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	679.755.040.957	544.421.118.322	5.682.320.909	2.660.538.040	30.000.000	1.232.549.018.228
Số dư cuối năm	**679.755.040.957**	**544.421.118.322**	**5.682.320.909**	**2.660.538.040**	**30.000.000**	**1.232.549.018.228**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	316.597.081.303	479.320.641.071	3.407.597.457	2.523.662.729	30.000.000	801.878.982.560
- Khấu hao trong năm	*23.918.244.087*	*36.502.919.174*	*773.515.174*	*103.638.059*	-	*61.298.316.494*
Số dư cuối năm	**340.515.325.390**	**515.823.560.245**	**4.181.112.631**	**2.627.300.788**	**30.000.000**	**863.177.299.054**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	363.157.959.654	65.100.477.251	2.274.723.452	136.875.311	-	430.670.035.668
Tại ngày cuối năm	**339.239.715.567**	**28.597.558.077**	**1.501.208.278**	**33.237.252**	**-**	**369.371.719.174**

Trong đó, nguyên giá và hao mòn luỹ kế tại ngày 31/12/2024 của Nhà máy Thuỷ điện Cửa Đạt lần lượt là 1.226.333.266.774 VND và 858.477.212.877 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 367.856.053.897 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.489.853.765 VND.

Phụ lục 03 : CÁC KHOẢN VAY

		01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn		572.428.315.323	134.182.146.221	611.842.505.708	94.767.955.836
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye		*48.225.000.000*	-	*48.225.000.000*	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	*(1)*	*135.810.000.000*	-	*85.810.000.000*	*50.000.000.000*
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba		*250.500.000.000*	-	*250.500.000.000*	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Lạc		*100.000.000.000*	-	*100.000.000.000*	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	*(2)*	*12.862.949.678*	*31.819.881.143*	*34.671.905.697*	*10.010.925.124*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	*(3)*	*25.030.365.645*	*95.783.373.835*	*86.056.708.768*	*34.757.030.712*
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở		-	*6.578.891.243*	*6.578.891.243*	-
Vay dài hạn đến hạn trả		282.757.059.236	69.872.490.010	232.779.362.978	119.850.186.268
- Vay cá nhân	*(4)*	*65.888.929.666*	*35.952.490.010*	*31.911.233.408*	*69.930.186.268*
- Ông Vũ Tuấn Cường		*133.243.129.570*	-	*133.243.129.570*	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	*(8)*	-	*29.920.000.000*	-	*29.920.000.000*
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	*(9)*	*16.000.000.000*	-	-	*16.000.000.000*
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		*6.000.000.000*	-	*6.000.000.000*	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	*(10)*	-	*4.000.000.000*	-	*4.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ		*61.625.000.000*	-	*61.625.000.000*	-
		855.185.374.559	**204.054.636.231**	**844.621.868.686**	**214.618.142.104**

Phụ lục 03 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

		01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn					
Vay dài hạn		1.063.257.059.236	572.009.678.903	428.142.637.307	1.207.124.100.832
- Vay cá nhân	*(4)*	*72.888.929.666*	*28.952.490.010*	*31.911.233.408*	*69.930.186.268*
- Ông Vũ Tuấn Cường	*(5)*	*133.243.129.570*	*131.750.000.000*	*191.193.129.570*	*73.800.000.000*
- Ông Nguyễn Viết Hoàng		-	*1.500.000.000*	*1.500.000.000*	-
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba	*(6)*	-	*252.055.726.027*	*555.726.027*	*251.500.000.000*
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	*(7)*	-	*93.200.908.219*	*2.050.908.219*	*91.150.000.000*
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	*(8)*	-	*49.250.554.647*	*19.330.554.647*	*29.920.000.000*
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	*(9)*	*16.000.000.000*	-	-	*16.000.000.000*
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La		-	*11.300.000.000*	*11.300.000.000*	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		*6.000.000.000*	-	*6.000.000.000*	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	*(10)*	-	*4.000.000.000*	-	*4.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	*(11)*	*835.125.000.000*	-	*164.301.085.436*	*670.823.914.564*
		1.063.257.059.236	**572.009.678.903**	**428.142.637.307**	**1.207.124.100.832**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(282.757.059.236)	(69.872.490.010)	(232.779.362.978)	(119.850.186.268)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**780.500.000.000**			**1.087.273.914.564**

Phụ lục 03 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	11 tháng	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bảo đảm bằng tài sản
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm đầu tư TSCĐ	Bảo đảm bằng tài sản
Dài hạn					
(4)	Vay cá nhân	Từ 12 tháng + 1 ngày	Từ 5%/năm đến 9%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(5)	Ông Vũ Tuấn Cường	24 tháng	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(6)	Công ty TNHH MTV Nhà máy Thuỷ điện Thác Ba	24 tháng	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(7)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	24 tháng	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(8)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Từ 12 tháng + 1 ngày	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(9)	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	Từ 12 tháng + 1 ngày	9%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(10)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Từ 12 tháng + 1 ngày	8,9%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(11)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Tài trợ nhận chuyển nhượng 99,55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Bảo đảm bằng tài sản

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	992.235.916	34.393.244.772	32.741.121.100	2.644.359.588
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.482.622.935	17.783.224.588	24.319.289.267	1.946.558.256
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.020.718.399	1.423.310.366	1.825.179.950	618.848.815
- Thuế Tài nguyên (*)	3.597.224.757	45.149.549.125	45.239.963.349	3.506.810.533
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.815.439.700	20.114.614.052	5.700.825.648
	14.092.802.007	**124.564.768.551**	**124.240.167.718**	**14.417.402.840**

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**29.589.351.149**	**550.817.521.703**	**1.424.243.628.000**
Lãi trong năm trước	-	-	-	88.119.651.452	88.119.651.452
Phân phối lợi nhuận	-	-	360.000.000.000	(367.519.659.526)	(7.519.659.526)
Số dư cuối năm trước	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**389.589.351.149**	**271.417.513.629**	**1.504.843.619.926**
Lãi trong năm nay	-	-	-	167.245.398.293	167.245.398.293
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	86.021.258.452	(88.119.651.452)	(2.098.393.000)
Số dư cuối năm nay	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**475.610.609.601**	**350.543.260.470**	**1.669.990.625.219**

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.762.393.000
Phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	336.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	86.021.258.452
	88.119.651.452

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông	Phạm Văn Minh	Ủy viên
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên
Bà	Bùi Hải Yến	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Văn Minh - Tổng Giám đốc được ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Quyết định số 120/2021/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 280325.010/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đỗ Mạnh Cường	**Hoàng Đức Anh**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1	kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.200.252.360.627**	**727.501.319.624**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**487.400.155.359**	**200.542.401.246**
111	1. Tiền		479.116.448.274	199.342.401.246
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.283.707.085	1.200.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**10.741.315.069**	**16.000.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	10.741.315.069	16.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**481.103.968.449**	**383.318.081.923**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	327.084.546.730	220.252.165.993
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.056.034.757	8.891.403.324
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	73.308.095.357	87.068.045.757
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	129.158.053.063	107.968.298.874
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(56.502.761.458)	(40.861.832.025)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**203.987.020.903**	**98.883.814.997**
141	1. Hàng tồn kho		203.995.816.903	98.892.610.997
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.796.000)	(8.796.000)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**17.019.900.847**	**28.757.021.458**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	9.320.343.405	11.815.893.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.354.386.280	16.816.642.070
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	345.171.162	124.485.402
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.602.136.339.830**	**3.786.228.552.963**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**545.199.534.400**	**501.118.462.400**
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	545.199.534.400	501.118.462.400
220	**II. Tài sản cố định**		**2.789.639.444.801**	**2.664.881.369.433**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.600.434.285.452	2.486.017.862.193
222	*- Nguyên giá*		*4.634.857.925.066*	*4.270.587.851.471*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2.034.423.639.614)*	*(1.784.569.989.278)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	189.205.159.349	178.863.507.240
228	*- Nguyên giá*		*235.837.356.452*	*221.818.442.843*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(46.632.197.103)*	*(42.954.935.603)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**51.484.014.392**	**376.163.741.056**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	51.484.014.392	376.163.741.056
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**1.569.633.602**	**2.252.679.426**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.011.968.308	1.695.014.132
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(174.334.706)	(174.334.706)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**214.243.712.635**	**241.812.300.648**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	27.641.202.662	25.181.626.293
269	2. Lợi thế thương mại	15	186.602.509.973	216.630.674.355
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**4.802.388.700.457**	**4.513.729.872.587**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.754.322.132.554**	**2.777.711.223.665**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**768.138.564.532**	**1.008.973.725.069**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	108.252.414.065	85.797.486.548
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.154.982.447	544.700.672
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	30.170.995.616	26.354.105.169
314	4. Phải trả người lao động		32.559.736.781	6.848.356.742
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	22.870.523.633	24.631.701.123
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	70.093.964.334	35.807.682.139
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	492.733.779.072	817.779.314.263
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.302.168.584	11.210.378.413
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.986.183.568.022**	**1.768.737.498.596**
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	74.361.512.590	74.361.512.590
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.911.822.055.432	1.694.375.986.006
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.048.066.567.903**	**1.736.018.648.922**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**21**	**2.048.066.567.903**	**1.736.018.648.922**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837.896.580.000	837.896.580.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.940.175.148	5.940.175.148
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		499.895.424.557	406.967.473.649
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.258.537.955	4.258.537.955
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		415.249.386.106	204.854.646.970
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*108.727.981.769*	*82.396.745.545*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*306.521.404.337*	*122.457.901.425*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		284.826.464.137	276.101.235.200
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**4.802.388.700.457**	**4.513.729.872.587**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**1.772.499.363.276**	**766.237.231.978**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.772.499.363.276**	**766.237.231.978**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**24**	**1.116.855.140.173**	**354.245.911.028**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**655.644.223.103**	**411.991.320.950**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.317.004.788	7.414.342.529
22	7. Chi phí tài chính	26	178.801.177.577	183.112.034.554
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*177.721.813.475*	*177.399.202.177*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(683.045.824)	(788.612.947)
25	9. Chi phí bán hàng	27	9.359.239.346	576.980.087
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	115.107.809.533	81.882.162.447
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**359.009.955.611**	**153.045.873.444**
31	12. Thu nhập khác	29	2.830.598.155	807.351.522
32	13. Chi phí khác	30	1.559.709.709	1.603.322.893
40	**14. Lợi nhuận khác**		**1.270.888.446**	**(795.971.371)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**360.280.844.057**	**152.249.902.073**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	26.705.664.907	15.665.080.422
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**333.575.179.150**	**136.584.821.651**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**306.521.404.337**	**122.457.901.425**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**27.053.774.813**	**14.126.920.226**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**32**	**3.658**	**1.461**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***360.280.844.057***	***152.249.902.073***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		283.994.997.497	213.318.079.777
03	- Các khoản dự phòng		15.640.929.433	4.847.193.797
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		565.681.042	464.668.752
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.597.346.237)	(6.117.676.182)
06	- Chi phí lãi vay		178.178.124.203	182.979.663.420
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***832.063.229.995***	***547.741.831.637***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(155.938.602.785)	540.052.562.010
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(105.103.205.906)	(22.086.228.794)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		115.752.906.030	25.763.511.634
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		35.974.212	(7.801.854.769)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(183.007.812.940)	(174.569.554.519)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.405.725.202)	(23.187.410.227)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.049.228.415)	(5.899.053.552)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***462.347.534.989***	***880.013.803.420***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(79.090.267.148)	(88.178.319.277)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.545.455	587.710.438
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(52.873.364.669)	(377.106.269.634)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		71.892.000.000	316.450.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.041.061.262.619)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.847.247.162	5.199.069.108
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(54.219.839.200)***	***(1.184.109.071.984)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		680.643.482.542	1.567.677.238.230
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(788.699.259.035)	(1.069.100.368.671)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.214.165.183)	(19.811.327.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(121.269.941.676)***	***478.765.542.559***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**286.857.754.113**	**174.670.273.995**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**200.542.401.246**	**25.872.127.251**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**487.400.155.359**	**200.542.401.246**

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 837.896.580.000 VND, tương đương 83.789.658 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.033 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 771 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh bất động sản;
- Xử lý nước thải, rác thải, bán điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư vào Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh tại ngày 13/10/2023 và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kể từ ngày này. Do đó, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty tăng mạnh so với năm 2023.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	51,00%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cấu trúc tập đoàn (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	51,00%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Thôn Măng Đen, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	Thôn 1, xã Ngok Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Số 30 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Số 144 đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	82,76%	82,76%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	205A Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	43,08%	52,06%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	99,50%	99,50%	Xây dựng và cơ điện
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	99,55%	99,55%	Xử lý nước thải, rác thải, bán điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh năm báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh và ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Các tài sản khác	03 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	65 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí nạo vét lòng hồ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lương, thưởng và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng
Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay;
- Lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí phát hành trái phiếu;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách ưu đãi thuế

Các Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo gồm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	6.890.231.347	2.857.238.375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	472.226.216.927	196.485.162.871
Các khoản tương đương tiền (*)	8.283.707.085	1.200.000.000
	487.400.155.359	**200.542.401.246**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 1,6%/năm đến 2,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Mua bán điện	187.495.944.523	-	127.522.236.310	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp xanh Hùng Phát	1.558.157.670	-	11.817.383.080	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	26.055.532.324	-	24.420.913.562	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	18.446.452.769	-	-	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.883.066.940	-	7.933.064.033	-
- Công ty Cổ phần Môi trường Việt Xuân Mới	-	-	8.946.616.543	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	20.323.319.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình	8.325.477.600	-	-	-
- Phải thu các khách hàng khác	58.996.595.404	(274.513.191)	39.611.952.465	(274.513.191)
	327.084.546.730	**(274.513.191)**	**220.252.165.993**	**(274.513.191)**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- B Fouress Private Limited	-	-	1.904.814.000	-
- BQLDA Đầu tư Xây dựng huyện Kon Plông	2.178.700.000	-	1.031.705.264	-
- Công ty TNHH Vina Taiyo Spring	484.127.650	-	2.003.936.413	-
- Công ty TNHH HUDE Việt Nam	1.011.561.000	-	-	-
- Trả trước cho đối tượng khác	4.381.646.107	-	3.950.947.647	-
	8.056.034.757	**-**	**8.891.403.324**	**-**

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 02.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh	10.499.787.608	-	9.779.031.672	-
- Tạm ứng thực hiện dự án (1)	2.090.791.334	-	1.939.635.754	-
Bên liên quan				
+ Ông Khúc Ngọc Hưng	*2.090.791.334*	-	*1.939.635.754*	-
- Ký cược, ký quỹ	8.838.385.308	-	10.456.719.600	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.113.204.778	-	2.684.605.334	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2)	36.700.511.129	(36.700.511.129)	36.700.511.129	(34.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Tasco (3)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty mua bán điện (4)	6.625.793.673	-	6.625.793.673	-
- Phải thu về lỗ hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 20)	39.264.338.896	-	27.738.426.503	-
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	912.000.000	-	968.000.000	-
- Phải thu về chi hộ tiền giải phóng mặt bằng của Dự án xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (5)	7.777.198.615	-	-	-
- Phải thu khác	7.336.041.722	175.000.000	6.075.575.209	245.000.000
	129.158.053.063	**(36.525.511.129)**	**107.968.298.874**	**(33.755.000.000)**
b. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	545.199.534.400	-	501.118.462.400	-
Bên khác	**545.199.534.400**	**-**	**501.118.462.400**	**-**
+ Ông Vũ Ngọc Minh (6)	-	-	*500.000.000.000*	-
+ Ông Đoàn Mạnh Hưng (6)	*538.839.752.000*	-	-	-
+ Các đối tượng khác	*6.359.782.400*	-	*1.118.462.400*	-
	545.199.534.400	**-**	**501.118.462.400**	**-**

8 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(1) Tạm ứng thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba (Thuyết minh 11).

(2) Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt năm 2015 và 2016 thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký với Công ty. Theo Công văn số 306/NHPT.SGDI-BL ngày 19/07/2022 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khoản phải thu trên đang chờ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn để chi trả. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang tiếp tục đôn đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu hồi khoản công nợ này.

(3) Được thực hiện theo Thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

(4) Phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012HĐ-NMĐ-Cửa Đạt và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 11 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, Công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy Thủy điện Cửa Đạt mà Công ty đã chi trả. Số dư tại ngày 31/12/2024 là tiền chênh lệch tỷ giá năm 2019 chờ được thanh toán.

(5) Khoản phải thu chủ đầu tư của Dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa là Liên danh Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK (gọi tắt là "Liên danh 2 Công ty"), khi Công ty ứng trước tiền cho Liên danh 2 Công ty để hoàn trả cho UBND huyện Hiệp Hòa đã thực hiện chi cho hạng mục giải phóng mặt bằng của Dự án.

(6) Khoản tiền đặt cọc cho ông Đoàn Mạnh Hưng để thực hiện "Dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa" theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/03/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh Bắc Giang và Đề án điều chỉnh quy hoạch điện VIII, danh mục dự án nguồn điện rác đề xuất phát triển trong tổng công suất phân bổ tăng thêm cho địa phương đã được Bộ Công thương phê duyệt.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	274.513.191	-	274.513.191	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Tràng An	185.210.341	-	185.210.341	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	-	109.508.815	-
- Đối tượng khác	124.788.000	-	124.788.000	-
Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	19.676.045.757	5.902.813.726	19.676.045.757	13.773.232.030
Phải thu khác				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36.700.511.129	-	36.700.511.129	2.700.511.129
- Công ty Cổ phần Tasco	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Đối tượng khác	509.997.951	175.000.000	509.997.951	245.000.000
	62.580.575.184	**6.077.813.726**	**62.580.575.184**	**21.718.743.159**

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	24.601.262.307	-	6.731.867.224	-
- Nguyên vật liệu	35.866.215.589	-	30.195.064.887	-
- Công cụ, dụng cụ	4.717.383.157	-	180.542.797	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	843.816.430	-
- Thành phẩm	5.336.377.932	-	1.618.177.860	-
- Hàng hóa (*)	133.474.577.918	(8.796.000)	59.323.141.799	(8.796.000)
	203.995.816.903	**(8.796.000)**	**98.892.610.997**	**(8.796.000)**

(*) Trong đó, giá trị hàng tồn kho đã lỗi thời là hàng điện lạnh đang chờ thanh lý: 29.320.000 VND.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
- Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(1)	11.948.431.675	11.172.545.949
- Dự án Thủy điện Đak Robaye (Thuyết minh 12)		-	328.043.902.084
- Dự án Thủy điện Đak lô 4	(2)	34.551.434.576	31.963.144.882
- Dự án khác		4.984.148.141	4.984.148.141
		51.484.014.392	**376.163.741.056**

(1) Dự án Thủy điện Thác Ba theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4474656452 cấp lần đầu ngày 26/09/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/07/2019:
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Tên Dự án: Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Mục tiêu: Đầu tư quy mô công suất 18 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm 69,73 triệu Kwh;
- Địa chỉ dự án: xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc và xã Mỹ Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;
- Tổng vốn dự án: 537 tỷ VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2024: Dự án đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý, các chi phí đang theo dõi là các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn.

(2) Dự án Thủy điện Đăk Lô 4 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1134/QĐ-UBND ngày 16/11/2020, điều chỉnh lần thứ nhất theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 18/11/2024:
- Tên Dự án: Công trình Thủy điện Đăk Lô 4;
- Địa điểm xây dựng: trên suối Nước Lò thuộc xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Chủ đầu tư: Công trình TNHH Thủy điện Đăk Lô 4;
- Quy mô công suất thiết kế: 10MW;
- Tổng vốn đầu tư: 373.132.000.000 VND;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2024: Dự án đang triển khai đến giai đoạn hoàn thành giải phóng mặt bằng và hoàn thiện hồ sơ để nhận Quyết định giao đất từ UBND tỉnh Kon Tum. Trong năm 2025, Công ty đã nhận Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cho Công ty thuê đất để thực hiện dự án.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2024, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính có nguyên giá lần lượt là 235.567.356.452 VND và 270.000.000 VND. Hao mòn luỹ kế tại 31/12/2024 lần lượt là 46.623.815.382 VND và 8.381.721 VND. Trong đó, Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 200.000.000.000 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 176 xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (được sử dụng để xây dựng nhà máy thủy điện) có thời gian sử dụng đất đến ngày 10/08/2075.
- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Xuân Cẩm, Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc Nhà máy thủy điện Xuân Minh) sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 14) theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc Nhà máy thủy điện Xuân Minh) theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Nguyên giá 5.683.173.675 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại Thôn Điek Nót A và thôn Điek Tem, xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum sau khi bù trừ tiền thuê đất theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.
- Nguyên giá 8.065.739.934 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi sau khi bù trừ tiền thuê đất theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay: 32.795.777.620 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.115.832.861	3.276.767.656
- Chi phí bảo hiểm	2.880.995.071	2.447.307.846
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy	4.024.454.864	729.780.000
- Chi phí bản quyền phần mềm	736.129.034	5.056.095.219
- Phí sử dụng đường bộ	160.677.435	123.113.333
- Các khoản khác	402.254.140	182.829.932
	9.320.343.405	**11.815.893.986**
Dài hạn		
- Chi phí cải tạo mặt bằng	4.257.570.409	4.356.878.114
- Chi phí thuê đất (*)	4.502.534.326	4.613.252.384
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.565.192.707	8.185.906.394
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.517.558.738	1.247.939.374
- Chi phí nạo vét lòng hồ	1.037.500.000	1.818.462.752
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	2.664.163.153	2.554.948.729
- Các khoản khác	2.096.683.329	2.404.238.546
	27.641.202.662	**25.181.626.293**

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m2. Số dư cuối năm là số chi phí giải phóng mặt bằng được cơ quan thuế chấp nhận bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, và sau khi đã được phân bổ 101 tháng. Tổng thời gian phân bổ là 589 tháng, thời gian phân bổ còn lại là 488 tháng.

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	**Tổng cộng**
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	31.748.857.532	179.419.450.350	89.113.335.943	300.281.643.825
Số dư cuối năm	**31.748.857.532**	**179.419.450.350**	**89.113.335.943**	**300.281.643.825**
Số phân bổ lũy kế				
- Số dư đầu năm	793.721.438	64.291.969.711	18.565.278.321	83.650.969.470
- Số phân bổ trong năm	3.174.885.753	17.941.945.035	8.911.333.594	30.028.164.382
Số dư cuối năm	**3.968.607.191**	**82.233.914.746**	**27.476.611.915**	**113.679.133.852**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	30.955.136.094	115.127.480.639	70.548.057.622	216.630.674.355
Số dư cuối năm	**27.780.250.341**	**97.185.535.604**	**61.636.724.028**	**186.602.509.973**

16 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 04.

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**-**	**-**	**10.138.570.384**	**10.138.570.384**
- Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	-	-	10.138.570.384	10.138.570.384
Bên khác	**108.252.414.065**	**108.252.414.065**	**75.658.916.164**	**75.658.916.164**
- Công ty TNHH Chosun Refractories Eng Co, Ltd	-	-	12.930.961.375	12.930.961.375
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sông Đà Hòa Bình	200.000.000	200.000.000	9.301.941.615	9.301.941.615
- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	8.596.925.958	8.596.925.958	6.359.245.752	6.359.245.752
- Công ty TNHH Công nghệ Chính xác Fuyu	7.014.734.800	7.014.734.800	3.475.967.200	3.475.967.200
- Công ty Cổ phần Thuận An Hải Phòng	17.890.109.068	17.890.109.068	-	-
- Công ty TNHH Seojin Việt Nam	5.761.162.358	5.761.162.358	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	68.789.481.881	68.789.481.881	43.590.800.222	43.590.800.222
	108.252.414.065	**108.252.414.065**	**85.797.486.548**	**85.797.486.548**

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Chi phí lãi vay	15.794.745.607	22.455.605.101
- Chi phí vận hành nhà máy	506.260.908	-
- Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy	390.000.000	-
- Chi phí lương, thưởng	4.554.330.372	213.651.132
- Chi phí phải trả khác	1.625.186.746	1.962.444.890
	22.870.523.633	**24.631.701.123**
Trong đó: Bên liên quan		
- Ông Vũ Tuấn Cường	688.793.425	2.425.006.145
- Ông Phạm Tiến Luật	14.065.086	15.451.513
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	3.832.470	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	48.523.288	-
	755.214.269	**2.444.597.656**

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn			
- Kinh phí công đoàn		378.230.553	676.446.722
- Bảo hiểm xã hội		6.804.000	8.778.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(i)	63.877.230.000	30.017.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		5.831.699.781	5.105.457.417
+ Cổ tức phải trả		*5.464.969.964*	*4.348.893.564*
+ Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam		-	*127.735.781*
+ Phải trả, phải nộp khác về thù lao HĐQT, Ban KS		-	*134.233.547*
+ Phải trả ngắn hạn khác		*366.729.817*	*494.594.525*
		70.093.964.334	**35.807.682.139**
Dài hạn			
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		90.000.000	90.000.000
- Góp tiền hợp tác kinh doanh	(ii)	74.271.512.590	74.271.512.590
+ Chosun Refractories Eng Co., Ltd		*74.271.512.590*	*74.271.512.590*
		74.361.512.590	**74.361.512.590**

(i) Khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu về việc chia sẻ quyền sở hữu tài sản là đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220KV Sơn La nằm trên vị trí từ cột số 15 đến Trạm biến áp 220KV Sơn La, ngăn lộ tại Trạm biến áp 220kV. Tại ngày 31/12/2024, tài sản chưa được coi là đồng kiểm soát do đối tác chưa góp đủ vốn theo thoả thuận trong hợp đồng.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng lò đốt rác phát điện (gọi tắt là "Dự án GCEP") giữa Công ty TNHH Môi trường Ngôi sao xanh ("Công ty") và Công ty TNHH Chosun Refractories Eng ngày 05/10/2018, với tổng số vốn đầu tư là 8.000.000 USD. Trong đó, Công ty góp vốn 4.800.000 USD, Công ty TNHH Chosun Refractories Eng góp vốn 3.200.000 USD. Thời hạn của hợp đồng góp vốn dự án là 15 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (17/12/2019). Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn đầu tư. Trong năm 2025, Công ty và Công ty TNHH Chosun Refractories Eng đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp của Công ty TNHH Chosun Refractories Eng. Theo đó, lợi nhuận phân chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 08) sẽ được bù trừ với phần vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và hai bên thống nhất số tiền còn lại Công ty phải chi trả cho Công ty TNHH Chosun Refractories Eng là 30.000.000.000 VND.

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	159.250.010.000	19,01	159.250.010.000	19,01
- Bà Phạm Thu Huyền	142.544.800.000	17,01	142.544.800.000	17,01
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	59.284.690.000	7,07	59.284.690.000	7,07
- Ông Đỗ Tuấn Anh	72.807.800.000	8,69	72.807.800.000	8,69
- Ông Vũ Hà Nam	64.721.700.000	7,72	48.461.700.000	5,78
- Các cổ đông khác	339.287.580.000	40,50	355.547.580.000	42,44
	837.896.580.000	**100,00**	**837.896.580.000**	**100,00**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
- Vốn góp cuối năm	*837.896.580.000*	*837.896.580.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	*4.348.893.564*	*18.731.100.564*
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	*14.330.241.583*	*5.429.120.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	14.330.241.583	5.429.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	*(13.214.165.183)*	*(19.811.327.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(13.214.165.183)	(19.811.327.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**5.464.969.964**	**4.348.893.564**

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	*83.789.658*	*83.789.658*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	*83.789.658*	*83.789.658*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	499.895.424.557	406.967.473.649
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.258.537.955	4.258.537.955
	504.153.962.512	**411.226.011.604**

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản cho thuê ngoài

Công ty và Công ty con của Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.588.000.000	1.188.000.000

b. Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích (m2)	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Sử dụng làm văn phòng làm việc	614,00	250.512.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028
Số 838, tờ bản đồ số 29, Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	28.962,90	Miễn tiền thuê đất	Từ 23/10/2009 đến 23/10/2059
Khu đất tại xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình chính và phụ trợ Thủy điện Xuân Minh	124.042,20	4.320.803	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065
Khu đất tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa		55.254,10	2.357.508	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065

Ngoài ra, các công ty con của Công ty thuê đất và văn phòng làm việc theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.152.881.711	3.275.745.395

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện	810.071.027.951	615.978.730.191
Doanh thu bán hàng hóa	639.863.084.598	72.777.283.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ	276.846.106.290	75.991.455.090
Doanh thu hợp đồng xây lắp	44.739.144.437	-
Doanh thu khác	980.000.000	1.489.763.301
	1.772.499.363.276	**766.237.231.978**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán điện	272.238.616.286	240.194.900.422
Giá vốn của hàng hóa đã bán	638.081.084.246	70.123.539.611
Giá vốn cung cấp dịch vụ	165.002.942.869	43.331.878.493
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	40.536.101.372	-
Giá vốn khác	996.395.400	595.592.502
	1.116.855.140.173	**354.245.911.028**

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.275.846.606	7.414.159.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	41.158.182	183.429
	7.317.004.788	**7.414.342.529**
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)*	**1.128.794.274**	**3.284.553.932**

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	177.721.813.475	177.399.202.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	57.372.332	5.202.483
Hoàn nhập dự phòng phải trả lãi chậm nộp	-	(511.834.807)
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	174.334.706
Chi phí phát hành trái phiếu	456.310.728	5.580.461.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	565.681.042	464.668.752
	178.801.177.577	**183.112.034.554**
Trong đó: Chi phí tài chính đối với các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)*	**7.626.444.305**	**8.125.831.888**

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	8.125.216.209	504.799.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.375.008	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.648.129	72.180.248
	9.359.239.346	**576.980.087**

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.434.708.997	543.563.486
Chi phí nhân công	29.426.072.491	17.807.929.045
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	389.055.355	250.002.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.919.733.116	1.483.304.247
Thuế, phí, và lệ phí	584.943.477	490.633.119
Lợi thế thương mại	30.028.164.382	27.647.000.067
Chi phí dự phòng	15.640.929.433	6.007.813.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.687.812.759	20.423.910.704
Chi phí khác bằng tiền	10.996.389.523	7.228.005.114
	115.107.809.533	**81.882.162.447**

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ thuộc tính năng lượng (EACs)	2.140.919.694	693.509.222
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.545.455	81.700.631
Thu nhập khác	685.133.006	32.141.669
	2.830.598.155	**807.351.522**

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	589.570.602
Các khoản bị phạt	411.404.001	857.667.638
Chi phí khác	1.148.305.708	156.084.653
	1.559.709.709	**1.603.322.893**

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	17.783.224.588	8.997.324.636
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	8.922.440.319	6.667.755.786
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	*354.432.387*	*289.213.367*
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	*2.661.733.578*	*5.390.435.110*
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	*2.656.285.474*	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	*1.006.089.601*	*825.758.916*
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	*1.929.039.361*	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	*191.514.898*	*162.348.393*
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	*123.345.020*	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	**26.705.664.907**	**15.665.080.422**

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	306.521.404.337	122.457.901.425
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	306.521.404.337	122.457.901.425
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	83.789.658	83.789.658
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.658**	**1.461**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.525.563.735	11.522.158.434
Chi phí nhân công	149.004.813.626	46.704.951.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	283.994.997.497	213.318.079.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.311.742.459	67.342.377.327
Chi phí khác bằng tiền	36.278.371.131	29.296.628.322
	606.115.488.448	**368.184.195.683**

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	480.509.924.012	-	480.509.924.012
Phải thu khách hàng, phải thu khác	413.932.577.522	545.199.534.400	959.132.111.922
Các khoản cho vay	70.276.178.395	-	70.276.178.395
	964.718.679.929	**545.199.534.400**	**1.509.918.214.329**
Tại ngày 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.685.162.871	-	197.685.162.871
Phải thu khách hàng, phải thu khác	293.680.953.725	501.118.462.400	794.799.416.125
Các khoản cho vay	97.165.232.030	-	97.165.232.030
	588.531.348.626	**501.118.462.400**	**1.089.649.811.026**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ	492.733.779.072	1.911.822.055.432	2.404.555.834.504
Phải trả người bán, phải trả khác	178.346.378.399	74.361.512.590	252.707.890.989
Chi phí phải trả	22.870.523.633	-	22.870.523.633
	693.950.681.104	**1.986.183.568.022**	**2.680.134.249.126**
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ	817.779.314.263	1.694.375.986.006	2.512.155.300.269
Phải trả người bán, phải trả khác	121.605.168.687	74.361.512.590	195.966.681.277
Chi phí phải trả	24.631.701.123	-	24.631.701.123
	964.016.184.073	**1.768.737.498.596**	**2.732.753.682.669**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	680.643.482.542	1.567.677.238.230
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	656.899.259.035	522.800.368.671
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	131.800.000.000	546.300.000.000

c. Mua công ty con trong năm báo cáo

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng giá trị mua công ty con trong năm	-	1.095.000.000.000
Phần giá trị mua công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.095.000.000.000
Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được mua	-	53.938.737.381
Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) không phải là tiền và các khoản tương đương tiền và nợ phải trả trong công ty con được mua trong năm	-	1.041.061.262.619

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:
Xem chi tiết Phụ lục 07.

Theo khu vực địa lý:
Xem chi tiết Phụ lục 08.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông lớn
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn
Ông Lê Quốc Hương	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thu Huyền	Cổ đông lớn
Ông Vũ Hà Nam	Cổ đông lớn/Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Minh	Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên HĐQT
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên HĐQT
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Khúc Ngọc Hưng	Phó Giám đốc Ban Kinh tế đầu tư
Ông Nguyễn Viết Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Nguyễn Thanh Phương	Ủy viên HĐQT Công ty con

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	**1.128.794.274**	**3.284.553.932**
- Ông Vũ Tuấn Cường	262.356.000	2.131.814.206
- Ông Lê Quốc Hương	866.438.274	1.152.739.726
Chi phí tài chính	**7.626.444.305**	**8.125.831.888**
- Ông Vũ Tuấn Cường	7.166.867.672	7.689.987.000
- Ông Vũ Hà Nam	-	50.768.913
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	50.373.911	50.505.556
- Ông Nguyễn Thanh Phương	137.134.248	-
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	85.446.575	121.486.028
- Ông Phạm Tiến Luật	186.621.899	213.084.391

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
- Ông Vũ Ngọc Tú	120.000.000	120.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	1.557.560.000	1.742.475.000
- Ông Trịnh Quốc Bình	-	20.000.000
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	361.600.000	407.900.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	48.000.000	107.096.774
- Ông Nguyễn Việt Tiến	48.000.000	28.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	168.000.000	168.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	149.000.000	136.000.000
- Bà Bùi Hải Yến	24.000.000	14.000.000
- Bà Phạm Thị Thu Phương	-	19.548.387

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	75.331.591.440	82.396.745.545	7.065.154.105
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	129.523.055.530	122.457.901.425	(7.065.154.105)

Các khoản trên được điều chỉnh do Công ty con phân loại lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế đến 01/01/2024.

Vương Hoàng Bảo Long	**Nguyễn Văn Bình**	**Phạm Văn Minh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có giá trị 10.676.876.713 VND, được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,2%/năm.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	%	%	VND	%	%	VND
- Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	50,00	50,00	1.011.968.308	50,00	50,00	1.695.014.132
			1.011.968.308			**1.695.014.132**

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Viwaseen 6	732.000.000	(174.334.706)	4,00	732.000.000	(174.334.706)	4,00
	732.000.000	**(174.334.706)**		**732.000.000**	**(174.334.706)**	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty nhận đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	Bắc Ninh	Lĩnh vực xử lý môi trường

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan		**25.000.000.000**	**-**	**4.500.000.000**	**29.500.000.000**	**-**	**-**
- Ông Vũ Tuấn Cường		-	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
- Ông Lê Quốc Hương	(2)	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	-
Bên khác		**62.068.045.757**	**(5.902.813.727)**	**53.632.049.600**	**42.392.000.000**	**73.308.095.357**	**(13.773.232.031)**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	(1)	19.676.045.757	(5.902.813.727)	-	-	19.676.045.757	(13.773.232.031)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hoà Bình	(3)	8.692.000.000	-	-	8.692.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(4)	700.000.000	-	-	700.000.000	-	-
- Cho cá nhân vay	(5)	33.000.000.000	-	50.000.000.000	33.000.000.000	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK	(6)	-	-	3.632.049.600	-	3.632.049.600	-
		87.068.045.757	**(5.902.813.727)**	**58.132.049.600**	**71.892.000.000**	**73.308.095.357**	**(13.773.232.031)**

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

STT	Hợp đồng cho vay	Mục đích cho vay	Lãi suất cho vay	Thời hạn cho vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSĐ và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	8.021.063.694	8.021.063.694
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSĐ và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	11.654.982.063	11.654.982.063
(2)	10A/2023/HĐTD-SMA ngày 31/07/2023	Phục vụ mục đích cá nhân	11,0%/năm	12 tháng	Tài sản của bên thứ ba	-	25.000.000.000
(3)	Các hợp đồng cho vay ngắn hạn	Bổ sung vốn lưu động	Từ 5,0%/năm đến 9,0%/năm	Từ 06 tháng đến 12 tháng	Tín chấp	-	8.692.000.000
(4)	Hợp đồng số 03/2023/CT-HĐKT	Bổ sung vốn lưu động	9,0%/năm	12 tháng	Tín chấp	-	700.000.000
(5)	Các hợp đồng cho vay ngắn hạn	Phục vụ mục đích cá nhân	11,0%/năm	12 tháng	Tài sản bảo đảm (*)	50.000.000.000	33.000.000.000
(6)	01/2024/HĐV/NSX-HHK	Nộp tiền giải phóng mặt bằng Dự án xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Từ 9,0%/năm đến 9,5%/năm	06 tháng	Tín chấp	3.632.049.600	-
						73.308.095.357	**87.068.045.757**

(*) Tài sản được bảo đảm là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Mã chứng khoán: VCP).

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (Đã phân loại lại)	2.022.275.251.853	1.715.672.927.013	433.138.850.421	2.834.467.779	96.666.354.405	4.270.587.851.471
- Mua trong năm	-	*3.695.376.718*	*14.844.703.831*	*120.450.000*	*130.764.950*	*18.791.295.499*
- Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	*195.657.575.604*	*150.332.123.777*	-	-	-	*345.989.699.381*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(510.921.285)*	-	-	*(510.921.285)*
Số dư cuối năm	**2.217.932.827.457**	**1.869.700.427.508**	**447.472.632.967**	**2.954.917.779**	**96.797.119.355**	**4.634.857.925.066**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (Đã phân loại lại)	670.925.913.303	869.100.038.110	203.473.850.007	2.642.134.994	38.428.052.864	1.784.569.989.278
- Khấu hao trong năm	*97.023.382.489*	*118.096.077.443*	*30.343.142.529*	*155.702.344*	*4.746.266.816*	*250.364.571.621*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(510.921.285)*	-	-	*(510.921.285)*
Số dư cuối năm	**767.949.295.792**	**987.196.115.553**	**233.306.071.251**	**2.797.837.338**	**43.174.319.680**	**2.034.423.639.614**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.351.349.338.550	846.572.888.903	229.665.000.414	192.332.785	58.238.301.541	2.486.017.862.193
Tại ngày cuối năm	**1.449.983.531.665**	**882.504.311.955**	**214.166.561.716**	**157.080.441**	**53.622.799.675**	**2.600.434.285.452**

(*) Tài sản cố định đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm là Nhà máy Thuỷ điện Đăk Robaye.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay: 1.767.965.339.659 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.902.162.812 VND.

Phụ lục 04: VAY

		01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn		***224.405.896.230***	***423.168.197.930***	***411.300.956.392***	***236.273.137.768***
- Vay cá nhân	(1)	1.564.168.273	42.847.429.252	4.162.336.750	40.249.260.775
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở		-	6.578.891.243	6.578.891.243	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	(2)	77.891.101.143	209.511.081.678	155.976.800.972	131.425.381.849
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		44.950.626.814	134.389.331.325	144.582.927.427	34.757.030.712
+ Chi nhánh Hà Thành	*(3)*	*25.030.365.645*	*134.389.331.325*	*124.662.666.258*	*34.757.030.712*
+ Chi nhánh Bắc Ninh		*19.920.261.169*	-	*19.920.261.169*	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Lạc		100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	(4)	-	29.841.464.432	-	29.841.464.432
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		***593.373.418.033***	***216.999.569.928***	***553.912.346.657***	***256.460.641.304***
- Vay cá nhân	(5)	112.856.313.875	37.660.284.612	73.395.242.499	77.121.355.988
- Ông Vũ Tuấn Cường	(6)	133.243.129.570	-	133.243.129.570	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(7)	34.385.285.316	94.425.285.316	34.385.285.316	94.425.285.316
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		31.920.000.000	4.250.000.000	31.920.000.000	4.250.000.000
+ Chi nhánh Hà Thành		*27.920.000.000*	-	*27.920.000.000*	-
+ Chi nhánh Sóc Sơn	*(8)*	*4.000.000.000*	*4.250.000.000*	*4.000.000.000*	*4.250.000.000*
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam		6.000.000.000	3.664.000.000	6.000.000.000	3.664.000.000
+ Chi nhánh Sơn La	*(9)*	*6.000.000.000*	*3.664.000.000*	*6.000.000.000*	*3.664.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		76.000.000.000	77.000.000.000	76.000.000.000	77.000.000.000
+ Chi nhánh Lạng Sơn	*(10)*	*26.000.000.000*	*27.000.000.000*	*26.000.000.000*	*27.000.000.000*
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	*(11)*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Điện Biên Phủ	(12)	61.625.000.000	-	61.625.000.000	-
- Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả		***131.343.689.272***	***-***	***131.343.689.272***	***-***
+ Mệnh giá trái phiếu		*131.800.000.000*	-	*131.800.000.000*	-
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(456.310.728)*	-	*(456.310.728)*	-
		817.779.314.263	**640.167.767.858**	**965.213.303.049**	**492.733.779.072**

Phụ lục 04: VAY (Tiếp theo)

		01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn					
Vay dài hạn		2.156.405.714.767	692.010.284.612	680.133.302.643	2.168.282.696.736
- Vay cá nhân	(5)	119.856.313.875	30.660.284.612	73.395.242.499	77.121.355.988
- Ông Vũ Tuấn Cường	(6)	188.643.129.570	216.750.000.000	231.593.129.570	173.800.000.000
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(7)	229.343.849.559	-	34.385.285.316	194.958.564.243
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		281.214.853.559	35.000.000.000	88.458.559.822	227.756.293.737
+ Chi nhánh Hà Thành		*82.708.559.822*	-	*82.708.559.822*	-
+ Chi nhánh Sóc Sơn	*(8)*	*198.506.293.737*	*35.000.000.000*	*5.750.000.000*	*227.756.293.737*
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam		9.664.000.000	-	6.000.000.000	3.664.000.000
+ Chi nhánh Sơn La	*(9)*	*9.664.000.000*	-	*6.000.000.000*	*3.664.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		486.558.568.204	-	76.000.000.000	410.558.568.204
+ Chi nhánh Lạng Sơn	*(10)*	*210.000.000.000*	-	*26.000.000.000*	*184.000.000.000*
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	*(11)*	*276.558.568.204*	-	*50.000.000.000*	*226.558.568.204*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	(13)	-	409.600.000.000	-	409.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	(12)	835.125.000.000	-	164.301.085.436	670.823.914.564
- Trái phiếu thường dài hạn		131.343.689.272	-	131.343.689.272	-
+ Mệnh giá trái phiếu		*131.800.000.000*	-	*131.800.000.000*	-
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(456.310.728)*	-	*(456.310.728)*	-
		2.287.749.404.039	**692.010.284.612**	**811.476.991.915**	**2.168.282.696.736**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(593.373.418.033)	(216.999.569.928)	(553.912.346.657)	(256.460.641.304)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		**1.694.375.986.006**			**1.911.822.055.432**

Phụ lục 04: VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	12 tháng	Từ 8,9%/năm đến 9,48%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Theo từng lần, không quá 12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bảo đảm bằng tài sản
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm đầu tư TSCĐ	Bảo đảm bằng tài sản
(4)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	6 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
Dài hạn					
(5)	Vay cá nhân	12 tháng + 1 ngày	Từ 5%/năm đến 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(6)	Ông Vũ Tuấn Cường	24 tháng	Từ 5%/năm đến 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(7)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	150 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm thuế GTGT Dự án); Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bái Thượng	Tài sản thuộc dự án Thủy điện Xuân Minh; Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy Thủy điện Bái Thượng
(8)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	180 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Đak Robaye (không bao gồm thuế GTGT Dự án)	Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/ Quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ Dự án Thủy điện Đak Robaye; Tài sản đảm bảo của bên thứ ba
(9)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	180 tháng	9,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản bảo đảm là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và tài sản có thể hình thành trong tương lai
(10)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bù đắp các chi phí đã tham gia vào dự án thủy điện Đăk Glun	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy Thủy điện Đăk Glun

Phụ lục 04: VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Dài hạn (tiếp theo)					
(11)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	08 năm	Theo từng khế ước nhận nợ	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh do Công ty làm chủ đầu tư	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã và sẽ hình thành của Dự án, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba
(12)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Tài trợ nhận chuyển nhượng 99,55% phần vốn góp tại Công ty con	Bảo đảm bằng tài sản
(13)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long Biên	84 tháng	6,5%/năm	Tài trợ các chi phí liên quan đến đầu tư Dự án thuỷ điện Nậm La và Dự án thuỷ điện Tắt Ngoẵng	Tài sản hình thành vốn vay, quyền tài sản liên quan tới Dự án thuỷ điện Nậm La và Dự án Thuỷ điện Tắt Ngoẵng; và tài sản của bên thứ ba

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024		01/01/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
			VND	VND	VND
Vay					
- Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn của Công ty mẹ	173.800.000.000	688.793.425	188.643.129.570	2.425.006.145
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	2.218.563.691	14.065.086	2.142.782.005	15.451.513
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	604.516.733	3.832.470	556.369.366	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Ủy viên HĐQT Công ty con	2.000.000.000	48.523.288	-	-
		178.623.080.424	**755.214.269**	**191.342.280.941**	**2.444.597.656**

Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	3.807.064.825	80.719.312.927	78.564.175.068	-	5.962.202.684
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	59.741.645	59.741.645	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	111.842.271	13.501.355.708	26.705.664.907	32.405.725.202	-	7.689.453.142
- Thuế Thu nhập cá nhân	12.642.731	1.447.073.163	4.934.984.008	5.342.291.986	345.171.162	1.372.293.616
- Thuế Tài nguyên (*)	-	4.982.650.973	77.124.144.937	76.221.483.222	-	5.885.312.688
- Các loại thuế khác	-	265.438.181	2.930.521.532	2.894.447.870	-	301.511.843
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	2.350.522.319	40.141.302.842	33.531.603.118	-	8.960.221.643
	124.485.402	**26.354.105.169**	**232.615.672.798**	**229.019.468.111**	**345.171.162**	**30.170.995.616**

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất Thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**29.589.351.149**	**-**	**475.813.753.518**	**267.455.339.537**	**1.616.695.199.352**
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(2.183.372.921)	4.855.028.048	2.671.655.127
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	122.457.901.425	14.126.920.226	136.584.821.651
Ảnh hưởng do điều chỉnh hồi tố tại Công ty con	-	-	-	-	2.411.137.152	(2.411.137.152)	-
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	17.378.122.500	4.258.537.955	(26.125.112.678)	(7.924.915.459)	(12.413.367.682)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	360.000.000.000	-	(367.519.659.526)	-	(7.519.659.526)
Số dư cuối năm trước	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**406.967.473.649**	**4.258.537.955**	**204.854.646.970**	**276.101.235.200**	**1.736.018.648.922**
Số dư đầu năm nay	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**406.967.473.649**	**4.258.537.955**	**204.854.646.970**	**276.101.235.200**	**1.736.018.648.922**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	306.521.404.337	27.053.774.813	333.575.179.150
Phân phối lợi nhuận tại (*) các Công ty con	-	-	6.906.692.456	-	(8.007.013.749)	(18.328.545.876)	(19.428.867.169)
Phân phối lợi nhuận tại (**) Công ty mẹ	-	-	86.021.258.452	-	(88.119.651.452)	-	(2.098.393.000)
Số dư cuối năm nay	**837.896.580.000**	**5.940.175.148**	**499.895.424.557**	**4.258.537.955**	**415.249.386.106**	**284.826.464.137**	**2.048.066.567.903**

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Trong năm 2024, các Công ty con của Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế như sau:

	Phân phối lợi nhuận tại Công ty con VND	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con VND	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	8.308.280.563	4.237.223.087	4.071.057.476
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	18.437.551.134	9.403.151.078	9.034.400.056
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	22.766.437.773	18.842.573.562	3.923.864.211
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	7.722.900.684	3.966.759.020	3.756.141.664
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	131.896.733	131.237.250	659.483
Khử khi hợp nhất		(28.573.930.248)	(2.457.577.014)
	57.367.066.887	**8.007.013.749**	**18.328.545.876**

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.762.393.000
Phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	336.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	86.021.258.452
	88.119.651.452

Phụ lục 07 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh điện VND	Hoạt động kinh doanh hàng hoá VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	**Tổng cộng toàn Tập đoàn** **VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	810.071.027.951	639.863.084.598	292.419.586.710	47.576.348.002	1.789.930.047.261	(17.430.683.985)	1.772.499.363.276
Giá vốn hàng bán	272.367.939.886	638.081.084.246	180.970.437.434	43.460.916.030	1.134.880.377.596	(18.025.237.423)	1.116.855.140.173
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**537.703.088.065**	**1.782.000.352**	**111.449.149.276**	**4.115.431.972**	**655.049.669.665**	**594.553.438**	**655.644.223.103**
Tổng chi phí mua tài sản cố định	**54.120.181.825**	**-**	**-**	**-**	**54.120.181.825**	**-**	**54.120.181.825**
Tài sản bộ phận	7.276.191.718.981		56.731.722.294	183.108.166	7.333.106.549.441	(2.717.320.358.957)	4.615.786.190.484
Tài sản không phân bổ					186.602.509.973		186.602.509.973
Tổng tài sản	**7.276.191.718.981**	**-**	**56.731.722.294**	**183.108.166**	**7.519.709.059.414**	**(2.717.320.358.957)**	**4.802.388.700.457**
Nợ phải trả của các bộ phận	3.214.188.103.836	-	1.062.075.883	3.780.161.097	3.219.030.340.816	(474.010.376.846)	2.745.019.963.970
Nợ phải trả không phân bổ					9.302.168.584		9.302.168.584
Tổng nợ phải trả	**3.214.188.103.836**	**-**	**1.062.075.883**	**3.780.161.097**	**3.228.332.509.400**	**(474.010.376.846)**	**2.754.322.132.554**

Phụ lục 08 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

b. Theo khu vực địa lý

	Thanh Hóa VND	Bắc Ninh VND	Sơn La VND	Bình Phước VND	Kon Tum VND	Khác VND	**Tổng cộng toàn Tập đoàn VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	515.884.375.869	1.013.092.200.817	154.873.247.310	62.156.002.512	22.554.605.902	3.938.930.866	**1.772.499.363.276**
Tài sản bộ phận	1.290.882.528.366	1.799.395.044.188	861.814.550.741	413.996.235.421	436.300.341.741	-	**4.802.388.700.457**
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	17.152.933.299	-	1.795.250.000	35.171.998.526	-	**54.120.181.825**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024 626 99988 **Web:** vcpholdings.com.vn

Số: 02/TTr- BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.*

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2025.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 2800779821 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Thị Hạnh

Nơi nhận :
- *Như kính gửi ;*
- *HĐQT;*
- *Lưu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Website: vcpholdings.com.vn

Số: 05/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP nhiệm kỳ 2024-2029

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Công ty của Bà Đinh Thị Hạnh;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty của Ông Nguyễn Hồ Ngọc.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát Công ty của nhiệm kỳ 2024 - 2029 như sau:

I. Sự cần thiết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029:

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 gồm **03 thành viên**:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Ông Nguyễn Hồ Ngọc
3. Bà Bùi Hải Yến

Tuy nhiên, đến ngày 03/3/2025 Công ty cổ phần VCP P&C đã nhận được đơn xin từ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty của Bà Đinh Thị Hạnh và đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của Ông Nguyễn Hồ Ngọc vì lý do cá nhân.

Khoản 1.b – Điều 160 và Khoản 1.b – Điều 174 Luật doanh nghiệp quy định: Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong trường hợp "Có đơn từ chức và được chấp thuận".

Như vậy, sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Bà Đinh Thị Hạnh và Ông Nguyễn Hồ Ngọc, Ban Kiểm soát **chỉ còn 01 thành viên**.

II. Đề xuất, Kiến nghị:

Để đảm bảo hoạt động quản trị, điều hành của Công ty, ngày 05/3/2025 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để thông qua đơn từ nhiệm của Bà Đinh Thị Hạnh, Ông Nguyễn Hồ Ngọc và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đối với Bà Đinh Thị Hạnh;
2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Nguyễn Hồ Ngọc;
3. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cho nhiệm kỳ 2024-2029:

3.1. Về số lượng cần bầu bổ sung:

- Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của nhiệm kỳ 2024 - 2029 là: **02 vị trí.**

3.2. Về cơ cấu: Theo sự ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền ứng cử/đề cử quy định tại Khoản 2 - Điều 25 và Khoản 1 - Điều 36 Điều lệ Công ty hoặc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử quy định tại Khoản 3 - Điều 25 và Khoản 2 - Điều 36 Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông bầu tại Đại hội.

3.3. Phương thức bầu cử: việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc, bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

(Kèm theo Tờ trình này là Hướng dẫn ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029)

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 2800799804 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu VT, HĐQT, TLĐH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ଓ✧ଌ-----

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng Lượng VCP

Tên cổ đông/ Đại diện nhóm cổ đông:.....

CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Bằng chữ:.....

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Ông/Bà.....

CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP nhiệm kỳ 2024 - 2029 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ngày 23/4/2025.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông đề cử
(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng viên Ban kiểm soát.
2. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ଓ✧ଌ-----

GIẤY ỨNG CỬ

Ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng Lượng VCP

Tên cổ đông.....

CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ:.....cổ phần

Bằng chữ:.....

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Ứng cử làm ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng Lượng VCP nhiệm kỳ 2024 - 2029 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ngày 23/4/2025.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên thành viên Ban kiểm soát.
2. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP cho nhiệm kỳ còn lại 2024-2029)

1. Họ và tên: .....
2. CMND số ..... cấp ngày ..... tại .....
3. Giới tính: ☐ Nữ ☐ Nam
4. Ngày tháng năm sinh: .....
5. Nơi sinh: .....
6. Quốc tịch: .....
7. Dân tộc: .....
8. Nguyên quán: .....
9. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: .....
10. Địa chỉ chỗ ở hiện nay: .....
11. Trình độ văn hoá: .....
12. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành học): .....
13. Quá trình công tác *(nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp)*:

Từ năm	Đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác

14. Chức vụ hiện nay tại Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP: .....
15. Các chức danh tại các công ty khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị): .....
16. Danh sách người có liên quan của người khai[(1)]:

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty Cổ Xây dựng và Năng lượng VCP (nếu có)	Mối quan hệ
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)
1				
2				
3				

[(1)] Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019.

17. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP của bản thân và những người có liên quan (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025): .....

    Trong đó:

    + Bản thân: .....

    + Người có liên quan: .....

    (Chi tiết tại thể hiện tại cột (D) của Danh sách người có liên quan)

18. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP: .....

19. Các khoản nợ đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tính đến ngày lập Sơ yếu lý lịch này: .....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Website: vcpholdings.com.vn

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP CHO NHIỆM KỲ 2024 - 2029

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Ngày 23/4/2025, tại Khu nhà quản lý vận hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Một trong các nội dung của Đại hội cổ đông là bầu bổ sung các thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2024 - 2029. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025 có quyền ứng cử/đề cử ứng viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP cho nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Để cổ đông có thể thực hiện tốt quyền ứng cử, đề cử của mình, Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP xin trân trọng gửi tới các cổ đông Hướng dẫn ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với các nội dung sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát *(Theo 169 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 36 Điều lệ):*

- Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện tại Khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp;
- Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.
- Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

2. Đề cử, ứng cử viên BKS *(Điều 36.1 Điều lệ Công ty):*

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025 có quyền ứng cử/đề cử ứng viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

3. Tài liệu ứng cử, đề cử:

Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ như quy định tại Mục 2 nêu trên khi ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát Công ty cần gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các tài liệu sau:

(i) Bản gốc Giấy ứng cử/đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

(ii) Sơ yếu lý lịch của người ứng cử hoặc được đề cử theo mẫu; và

(iii) Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Trường hợp là Nhóm cổ đông đề cử thì văn bản đề cử phải có chữ ký của tất cả các cổ đông tham gia Nhóm cổ đông đề cử, hoặc có văn bản ủy quyền (có công chứng/chứng thực) của nhóm cổ đông cho một cổ đông đại diện Nhóm thực hiện quyền đề cử.

Ghi chú:

- Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, Công ty trân trọng và đề nghị các cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử fax Giấy ứng cử hoặc đề cử và Sơ yếu lý lịch của người được ứng cử/đề cử về Công ty trước ngày 22/4/2025. Bản gốc tài liệu ứng cử, đề cử và sơ yếu lý lịch của người ứng cử hoặc được đề cử (trong trường hợp chưa gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường ưu điện) cổ đông/nhóm cổ đông gửi cho Ban Tổ chức khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội vào ngày 23/4/2025.

Địa chỉ liên hệ: ***Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP***
Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Người liên lạc: Ông Nguyễn Thanh Phương - GĐ Ban Tổ chức - Hành chính
Điện thoại: 024 62699988/DĐ: 0904321928

Email: phuong.nguyenthanh@vcpholdings.com.vn

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nộp bản gốc Giấy ứng cử/đề cử (kèm sơ yếu lý lịch của người ứng cử/được đề cử) cho Công ty (trước khi diễn ra Đại hội hoặc trước khi thông qua danh sách ứng cử/đề cử tại Đại hội), việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty thì việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.

Trân trọng.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT,HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Website: vcpholdings.com.vn

ISO 9001
ISO 14001
INTEGRATED MANAGEMENT

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP NHIỆM KỲ 2024-2029

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cho nhiệm kỳ còn lại 2024-2029 theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2025).

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát ***(theo điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều 36 Điều lệ Công ty):***

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

ĐIỀU 3: Đề cử ứng cử ứng viên BKS ***(Khoản 1 - Điều 36 Điều lệ Công ty)***

3.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên vào BKS, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

3.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.3 Số lượng thành viên BKS được bầu

Theo quy định tại Điều 37.1 Điều lệ Công ty: "số lượng thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là năm (05) người".

Số lượng bầu bổ sung thành viên BKS cho nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2024-2029 cụ thể sẽ được Đại hội cổ đông thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1 Danh sách ứng cử viên BKS:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử ***(Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều 21.3 Điều lệ)***

5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

5.2 Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu BKS được Đại hội cổ đông thông qua;

5.3 Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên BKS:

- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
- Bầu cử bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống của số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu

cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng số quyền biểu quyết cổ đông bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ghi chú:

- Cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu BKS. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp nêu trên thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là **không hợp lệ**.
- Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ *(có giấy uỷ quyền)*, người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết.

ĐIỀU 6: Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

6.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

6.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

6.3. Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

6.4. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

6.5. Phiếu bầu quá số lượng thành viên BKS đã được Đại hội thông qua.

6.6. Cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu.

6.7. Phiếu bầu không ghi các thông tin về cổ đông.

ĐIỀU 7: Ban Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Bầu cử

a. Ban Bầu cử do Ban tổ chức, Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Ban Bầu cử có trách nhiệm:

- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
- Phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên BKS *(Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp)*

8.1. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số quyền biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên BKS được ĐHĐCĐ phê duyệt .

8.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên

cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS.

9.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N:2800799804-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN

BẦU DỒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng bầu sổ sung thành viên Ban kiểm soát ("BKS") là 2 thành viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

(1.000.000 x 2) = 2.000.000 quyền bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu cho các ứng cử viên theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất**: Cổ đông Nguyễn Văn A chia 2.000.000 quyền biểu quyết của mình cho từ 1 đến 2 ứng cử viên BKS bằng cách đánh dấu vào ô trống dành cho mỗi ứng cử viên trên phiếu bầu. Trong trường hợp này, cổ đông Nguyễn Văn A đã chia đều tổng số quyền biểu quyết của mình cho số ứng cử viên Ban Kiểm soát mà cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn.
2. **Phương pháp thứ hai:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết 2.000.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 hoặc một số ứng cử viên BKS. Tối đa là 02 ứng cử viên và tổng số là 2.000.000 quyền biểu quyết.

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.

b. Tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 2.000.000 quyền biểu quyết.

c. Số ứng viên BKS cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 2 người.

d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên BKS đã được ĐHCĐ thông qua.

e. Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.

f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu.

g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.